

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN LÂN NUNG CHÁY VÂN ĐIỀN
VAN DIEN FUSED MAGNESIUM
PHOSPHATE FERTILIZER JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 235./CBTT-PLVD
No. 235./CBTT-PLVD

Hà Nội, ngày 5 tháng 06 năm 2026
Hanoi, June 5, 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
The Sate Securities Commission;
To: - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
The Ha Noi Stock Exchange;
- Quý cổ đông Công ty.
Shareholders of the Company.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VÂN ĐIỀN

Name of company: VAN DIEN FUSED MAGNESIUM PHOSPHATE FERTILIZER JSC

Mã chứng khoán: VAF

Stock code: VAF

Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội

Address of headoffice: Phan Trong Tue Street, Dai Thanh Commune, Ha Noi City

Mã số doanh nghiệp: 0100103143

Enterprise Code: 0100103143

Điện thoại liên hệ: 0243.6884489

Telephone: 0243.6884489

Fax: 0243.6884277

Email: vandienfmp@gmail.com

Người đại diện theo pháp luật: Văn Hồng Sơn – Tổng giám đốc

Legal Representative: Mr. Van Hong Son – General Director

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ; ☐ 72 giờ; ☐ bất thường; ☐ theo yêu cầu; ☐ định kỳ

Type of Information Disclosure: ☐ 24-hour; ☐ 72-hour; ☐ Ad-hoc; ☐ Upon request; ☐ Periodic

Nội dung báo cáo và công bố thông tin: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Vân Điển và Tài liệu kèm theo

Contents of the report and information disclosure: Notice of Invitation to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Van Dien Fused Magnesium Phosphate Joint Stock Company and the accompanying documents.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: vandienfmp.vn – tin cổ đông.

This information is disclosed on the Company's website at the following link: vandienfmp.vn – Shareholder News.

Công ty chúng tôi xin cam kết thông tin được báo cáo và công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã báo cáo và công bố.


We hereby certify that the information reported and disclosed above is true and accurate, and we take full responsibility before the law for the contents of the reported and disclosed information.

Tài liệu kèm theo/ *Attached documents:*

- Thông báo mời họp số 45/TB-HĐQT ngày 04/06/2026 của Hội đồng quản trị Công ty;

Meeting Invitation Notice No. 45/QĐ-HĐQT dated June 04, 2026 issued by the Board of Directors of the Company;

- Chương trình, tài liệu tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Agenda and meeting documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders. 

Nơi nhận/ *Recipients:*

- Như kính gửi;
As addressed;
- HĐQT, BKS (b/c);
BOD; BOS (for reporting);
- Người được UQCBTT;
Persons authorized to disclose information
- Lưu Thư ký, VT.
Archived: Secretary, Clerical.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR**



Văn Hồng Sơn

Số: 45/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2026

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi:

Quý cổ đông :
Địa chỉ :
Số ĐKSH :

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Phan Trọng Tuệ, Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0100103143

Điện thoại: 0243.6884489 - Fax: 0243.6884277

Website: vandienfmp.vn - Email: vandienfmp@gmail.com

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (Sau đây gọi là "Công ty") trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty với nội dung như sau:

1. **Thời gian:** Từ 08 giờ 00 phút, Chủ nhật, ngày 28 tháng 06 năm 2026.
2. **Địa điểm:** Trụ sở chính Công ty tại Đường Phan Trọng Tuệ, Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội.
3. **Thành phần tham dự:** Toàn bộ cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty theo danh sách chốt cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 27/05/2026 và/hoặc người được ủy quyền hợp lệ.
4. **Chương trình họp và các tài liệu liên quan đến Đại hội**
Chương trình họp và các tài liệu phục vụ Đại hội được đăng tải trên Website của Công ty tại đường dẫn: <https://vandienfmp.vn/tai-lieu-dai-hoi-co-dong>

Ghi chú: Các Tài liệu khác có liên quan đến nội dung trong chương trình của Đại hội sẽ được tiếp tục đăng trên Website Công ty (nếu có).

5. **Các giấy tờ cần xuất trình khi đến dự Đại hội**

- Căn cước công dân/Hộ chiếu của người dự họp;
- Thông báo mời họp;
- Giấy ủy quyền theo mẫu (nếu có)

6. **Đăng ký tham dự và thông tin liên hệ**

Để công tác tổ chức được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội bằng cách gửi Phiếu xác nhận tham dự (theo mẫu) hoặc Giấy ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty trước 16 giờ 30 phút ngày 26 tháng 06 năm 2026 theo một trong các hình thức sau:

(i) Gửi thư trực tiếp về địa chỉ:

Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: 0243.6884489

(ii) Gửi văn bản (file) qua thư điện tử (email) đến địa chỉ: vandienfmp@gmail.com hoặc Fax: 0243.6884277

Ghi chú: Việc xác nhận chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho công tác tổ chức mà không làm ảnh hưởng đến quyền tham dự Đại hội của Quý Cổ đông.

Quý Cổ đông vui lòng tự thanh toán mọi chi phí đi lại, ăn ở khi tham dự Đại hội.

Trường hợp cần rõ thêm thông tin, đề nghị Quý cổ đông liên hệ với Thư ký Công ty theo số điện thoại: 0972 68 66 68

Rất mong sự hiện diện của Quý Cổ đông để Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phùng Ngọc Bộ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẤY VĂN ĐIỂN

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC

Thời gian : Ngày 28 tháng 06 năm 2026

Địa điểm : Tại Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội).

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN
1	Đại biểu đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kiểm tra tư cách đại biểu tham dự.	7h00 – 8h00
2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8h00 – 8h10
3	Khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8h10 – 8h15
4	Chủ tọa đại hội chỉ định Thư ký đại hội.	8h15-8h30
5	Chủ tọa đại hội đề cử Ban kiểm phiếu của Đại hội	
6	Thảo luận và biểu quyết thông qua: - Quy chế tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. - Ban kiểm phiếu của Đại hội.	
I Các báo cáo, tờ trình tại Đại hội:		
1	Báo cáo hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị	8h30-10h00
2	Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh và điều hành của Công ty năm 2025	
3	Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc.	
4	Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025 đã được kiểm toán.	
5	Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án phân chia lợi nhuận và trả cổ tức năm 2025.	
6	Tờ trình của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh và trả cổ tức năm 2026.	

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN
7	Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025	
8	Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2026.	
9	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026.	
10	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký doanh nghiệp của Công ty	
11	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	
12	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	
13	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty	
14	Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	
II	Thảo luận, biểu quyết thông qua	
1	Thảo luận các Báo cáo, tờ trình.	10h00-10h30
2	Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.	10h30-10h45
3	- Cổ đông nghỉ giải lao; - Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết.	10h45-11h00
4	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.	11h00-11h10
III	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	
1	Trình bày Nghị quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	11h10-11h20
2	Biểu quyết thông qua Nghị quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	11h20-11h30
3	Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	11h30

Lưu ý: Chương trình có thể được thay đổi phụ thuộc vào diễn biến thực tế của Đại hội.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

DỰ THẢO

QUY CHẾ

**Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển**

Chương I Những quy định chung

Điều 1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

Điều 2. Quy chế này quy định quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương II Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày 27/05/2026 có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi đại biểu khi tới dự họp được nhận thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết do Công ty phát hành có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn hơn thời gian quy định có quyền đăng ký ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và sau đó có quyền tham gia biểu quyết, nhưng Chủ tọa đại hội không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho họ đăng ký và hiệu lực các biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 4. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

2. Hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với Ban tổ chức Đại hội. Khi đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cần trình cho Ban tổ chức các giấy tờ sau:

- Căn cước công dân/hộ chiếu của người dự họp;
- Giấy ủy quyền theo mẫu (nếu có).

3. Nghiêm túc chấp hành sự điều hành của Đoàn chủ tọa/Chủ tọa đại hội và Thư ký đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Tự túc chi phí khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm phiếu:

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

Kiểm tra giấy tờ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tham dự; phát thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết; xác định kết quả biểu quyết để thông qua Ban kiểm phiếu; thông báo kịp thời cho Đoàn chủ tọa/ Chủ tọa đại hội về sự thay đổi đại biểu (đến tham dự cuộc họp, rời bỏ không tham dự cuộc họp) trong quá trình diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm phiếu do Đoàn chủ tọa/Chủ tọa đại hội đề cử và Đại hội thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
- Kiểm và ghi nhận thẻ/phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký đại hội;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 6. Quyền và nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa/Chủ tọa đại hội và Thư ký đại hội:

1. Đoàn Chủ tọa/Chủ tọa đại hội

- Đoàn Chủ tọa gồm:

+ Chủ tọa đại hội - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

+ 02 (hai) thành viên Đoàn Chủ tọa - Thành viên Hội đồng quản trị.

- Đoàn Chủ tọa thực hiện việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và của Công ty.

- Đoàn Chủ tọa làm việc theo sự phân công của Chủ tọa đại hội.

a. Quyền của Đoàn Chủ tọa/Chủ tọa:

- Đoàn Chủ tọa/Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự;

- Đoàn Chủ tọa/Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

b. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa/Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa chỉ định 01 (một) người làm Thư ký cuộc họp.

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa/Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Chương III

Tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 7. Theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này tương ứng với trên 50% vốn điều lệ của Công ty).

Điều 8. Đại hội tiến hành thảo luận, biểu quyết thông qua các vấn đề theo nội dung trong chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã được Đại hội thông qua và vấn đề khác phát sinh tại Đại hội (nếu có).

Điều 9. Thẻ lệ biểu quyết:

1. Thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết có đóng dấu của Công ty ở góc trên bên trái.

2. Thẻ biểu quyết:

a. Thẻ biểu quyết được sử dụng để biểu quyết về các vấn đề sau:

- Nhân sự Ban kiểm phiếu biểu quyết;
- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Chương trình làm việc của Đại hội;
- Biên bản họp Đại hội;
- Nghị quyết Đại hội;
- Các vấn đề khác phát sinh tại Đại hội (nếu có, trừ các vấn đề được biểu quyết bằng phiếu biểu quyết tại mục 3 Điều này).

b. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

3. Phiếu biểu quyết:

a. Phiếu biểu quyết được sử dụng để biểu quyết về các vấn đề sau:

- Báo cáo hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị;
- Các Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025 đã được kiểm toán;
- Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án phân chia lợi nhuận và trả cổ tức năm 2025;
- Tờ trình của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh và trả cổ tức năm 2026;
- Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025;
- Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2026;
- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được ghi trên phiếu biểu quyết.

b. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết; đối với từng vấn đề, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất các vấn đề cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết được coi là không hợp lệ khi đáp ứng một hoặc một số các điều kiện sau:

- Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu phát ra, không có dấu đỏ của Công ty;

- Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết;

- Đại biểu không đánh dấu chọn vào một (01) ô trong ba ô vuông biểu quyết hoặc đánh dấu chọn quá một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết trong Phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề;

- Đại biểu không ký và ghi đầy đủ họ tên vào Phiếu biểu quyết.

Trong một Phiếu biểu quyết, các vấn đề cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết vấn đề này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của phần biểu quyết các vấn đề khác.

5. Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ công bố kết quả kiểm phiếu ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ Công ty.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành.

Điều 11. Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đại hội ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thư ký đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc Đại hội.

Chương IV

Điều khoản thi hành

Điều 12. Các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

Điều 13. Quy chế này được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi được số cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành và có hiệu lực ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông./

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



MẪU
THAM KHẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN
(Đối với cổ đông là tổ chức)

Kính gửi: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Tên cổ đông:

Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập:

Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Người đại diện theo pháp luật: Ông (Bà)..... Chức vụ:

Căn cước công dân/Hộ chiếu số..... Cấp ngày..... Tại.....

Địa chỉ:

Số cổ phần sở hữu⁽¹⁾:

- Bảng số:

- Bảng chữ:

Chúng tôi đồng ý ủy quyền cho Người (cá nhân, tổ chức) có tên dưới đây thay mặt chúng tôi tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển:

Thông tin về Người (cá nhân, tổ chức) được ủy quyền được ủy quyền và số cổ phần được đại diện biểu quyết:

Ghi chú: Cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần của Công ty có thể ủy quyền tối đa 5 (năm) Người đại diện (theo Khoản 1. Điều 16 Điều lệ Công ty).

Thông tin về Người được ủy quyền là cá nhân:

STT	Họ và tên	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ, điện thoại	Số cổ phần đại diện biểu quyết

⁽¹⁾: Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 27/05/2026

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập:

Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Người đại diện theo pháp luật: Ông (Bà).....chức vụ:

Người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Ông (Bà).....Chức vụ:

+ CMND/Căn cước công dân/ Hộ chiếu số.....

Cấp ngày.....tại.....

+ Địa chỉ:

CMND/Căn cước công dân/ Hộ chiếu số.....cấp ngày.....tại.....

Địa chỉ:

Số cổ phần đại diện biểu quyết:

- Bảng số:

- Bảng chữ:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Giấy ủy quyền có giá trị khi là bản được lập theo quy định và có chữ ký, đóng dấu của Cổ đông và Người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại gì đối với Công ty./.

CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, Đóng dấu)

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Đối với tổ chức được ủy quyền

Người đại diện của
tổ chức dự họp Đại
hội đồng cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đại diện
theo pháp luật
của tổ chức
(Ký, đóng dấu)

Đối với cá nhân được ủy quyền (Ký, ghi rõ họ tên)



MẪU
THAM KHẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN
(Đối với cổ đông là cá nhân)

Kính gửi: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Họ và tên cổ đông:.....

Căn cước công dân/ Hộ chiếu số:..... Cấp ngày:

Tại:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Số cổ phần sở hữu⁽¹⁾:

- Bằng số:.....

- Bằng chữ:.....

Tôi đồng ý ủy quyền cho người (cá nhân hoặc tổ chức) có tên dưới đây thay mặt tôi tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi đang sở hữu.

Thông tin Người được ủy quyền (đối với cá nhân):

- Họ và tên:

- Căn cước công dân/ Hộ chiếu số:.....

- Cấp ngày: Tại:

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:

Thông tin Người được ủy quyền (đối với tổ chức):

- Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập:

- Cấp ngày: Tại:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông (Bà)..... Chức vụ:

⁽¹⁾: Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 27/05/2026

- Người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Ông (Bà)..... Chức vụ:
- + Căn cước công dân/ Hộ chiếu số.....
- Cấp ngày.....tại.....
- + Địa chỉ:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Giấy ủy quyền có giá trị khi là bản được lập theo quy định và có chữ ký của Cổ đông và Người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại gì đối với Công ty./.

CÓ ĐÔNG ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

*Đối với tổ chức
được ủy quyền*

Người đại diện của
tổ chức dự họp Đại
hội đồng cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đại diện
theo pháp luật
của tổ chức
(Ký, đóng dấu)

*Đối với cá nhân
được ủy quyền*

(Ký, ghi rõ họ tên)





ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN
_____***_____

Dự thảo

PHIẾU XÁC NHẬN THAM DỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN

Họ và tên Cổ đông:

Số ĐKSH:.....

Số điện thoại liên hệ:

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần

Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết:cổ phần

Tôi xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển tổ chức ngày 28 tháng 06 năm 2026.

Ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

✓

Số: 46 /BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 như sau:

I. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2025

1. Đặc điểm, tình hình chung

a. Khó khăn

Năm 2025, giá các loại vật tư nguyên nhiên liệu đầu vào sản xuất liên tục tăng, đặc biệt quặng Apatit có 4 lần tăng gần 30%. Quặng Apatit chất lượng thấp (chỉ đạt 20-21%) đã gây nhiều khó khăn cho sản xuất ở các lò cao, gây nhiều sự cố trong sản xuất.

Tình trạng thiếu hụt quặng A không đủ sản xuất cho 3 lò làm ảnh hưởng tới việc cung ứng sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng. Công ty đã chủ động tìm nguồn cung ở nước ngoài (Quặng Apatit Ai Cập) hiện Công ty đã nhập khẩu quặng Apatit loại chất lượng 22% P2O5 và đã được đưa vào sản xuất ổn định.

Trong quý 3/2025, tình hình mưa lũ xảy ra tại khu vực phía Bắc gây ảnh hưởng nghiêm trọng về người và tài sản, diện tích cách tác bị hư hại nặng nề, khu vực miền Trung từ giữa tháng 9/2025, mưa lũ cũng gây ra nhiều khó khăn, khu vực Nam Bộ đã hết thời vụ chăm bón, dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tiêu thụ sản phẩm.

b. Thuận lợi

Công ty có bề dày hơn 60 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề; các hạng mục đầu tư khoa học công nghệ của Công ty từ các năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo chất lượng tốt, có thương hiệu, là sản phẩm phân bón được người tiêu dùng tin nhiệm & các cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá cao, phù hợp với thổ nhưỡng và các loại cây trồng trong cả nước.

Trong những năm trước, Công ty đã và đang thực hiện nhiều hạng mục đầu tư, cải tạo điều kiện làm việc cho người lao động, cải tiến sản phẩm, cải tạo máy móc thiết bị và có hiệu quả tốt.

Công ty luôn duy trì chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên thị trường nội địa và xuất khẩu; Sản phẩm của Công ty có thương hiệu tốt và đã được các cơ quan, ban ngành cũng như các tổ chức trong nước và ngoài nước công nhận qua các danh hiệu đã đạt được.

Năm 2025 giá nông sản và đặc biệt là giá Cà phê, tiêu, sầu riêng... tăng rất cao nên nông dân đầu tư nhiều cho phân bón, đặc biệt là lân nung chảy nên nhu cầu tiêu thụ phân lân nung chảy tăng cao. Công ty đã tăng công suất nhưng vẫn không đủ đáp ứng

cho nhu cầu thị trường. Việc cung không đủ cầu, thiếu hàng dẫn tới nhiều đại lý khách hàng chấp nhận việc gửi trả tiền trước mua hàng để giữ giá và đảm bảo chất lượng cung cho nông dân, là tiền đề tạo thuận lợi cho công ty có nguồn tài chính ổn định.

2. Kết quả hoạt động của Công ty

2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao

a. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	KH ĐHĐCĐ 2025 giao	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)	
						TH / KH	TH 2025/TH 2024
A	B	C	3	4	5	6=5/4	7=5/3
1	Tổng doanh thu	Tỷ đ	1.281,593	1.295,62	1.760,139	135,8	137,3
2	Nộp ngân sách	Tỷ đ	34,849	31,938	34,359	107,58	98,59
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	88,933	60,540	213,171	352,1	239,69
4	Sản lượng sản xuất	Tấn	283.629	290.000	295.583	102	104
4.1	Phân lân các loại	Tấn	253.532	260.000	263.253	101	104
4.2	Phân NPK các loại	Tấn	30.097	30.000	32.330	108	107
5	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	271.919	280.000	335.960	120	123,5
5.1	Phân lân các loại	Tấn	243.401	250.000	302.683	121	124,3
5.2	Phân NPK các loại	Tấn	28.518	30.000	33.277	111	116,7
6	Chi trả cổ tức	%	10,0	8,0	Dự kiến: 10% tiền mặt; 10% cổ phiếu		

b. Đánh giá kết quả thực hiện năm 2025

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty được trình bày một cách công khai, minh bạch theo quy định trong các tài liệu đã được công bố thông tin trong quá trình hoạt động. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2025 về cơ bản là vượt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao năm 2025: Doanh thu **1.295,62** tỷ đồng, thực hiện **1.760,139** tỷ đồng, đạt 135,8%; Lợi nhuận (trước thuế) giao **60,54** tỷ đồng, thực hiện đạt **213,171** tỷ đồng bằng 352,1%.

Sản lượng Phân bón sản xuất đạt 102% so với kế hoạch đề ra; sản lượng tiêu thụ đạt 335.960 tấn phân bón các loại, đạt 120% so với kế hoạch (kế hoạch 280.000 tấn).

2.2. Chi trả cổ tức năm 2025: Mức trả cổ tức năm 2025 dự kiến là 20.0%, trong đó: 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu (theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../2026 của Hội đồng quản trị tại Đại hội); Trong năm 2025 chưa tạm ứng cổ tức năm 2025.

2.3. Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2025: Đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

2.4. Chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý khác và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025: Thù lao, tiền lương chi trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

(Danh sách chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025: được thực hiện theo đúng các quy định của Công ty.

2.5. Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa.

a. Đối với dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 26/01/2013

Ngày 22/4/2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc dừng thực hiện, quyết toán và thanh lý Dự án “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa” theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 26/01/2013 tại Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, ngày 08/9/2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 95/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị tư vấn lập báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện và đơn vị kiểm toán báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện.

Theo đó, Công ty đã ký hợp đồng với:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị tư vấn thực hiện lập báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện.

Hiện nay, đơn vị tư vấn đã hoàn thành bước rà soát, đánh giá sơ bộ ban đầu và đang tiếp tục thực hiện bước làm việc, đối chiếu với các nhà thầu và chủ đầu tư đối với từng nội dung được nêu trong báo cáo sơ bộ nhằm hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh lý dự án theo quy định.

b. Đối với dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư số 106666775 ngày 23/7/2025

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án di dời Công ty nhằm bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn

bt

Điện, sau khi dừng thực hiện dự án cũ, Công ty đã chủ động khảo sát, tìm kiếm địa điểm đầu tư tại các khu công nghiệp thuộc nhiều tỉnh, thành phố lân cận Hà Nội.

Qua quá trình nghiên cứu, đánh giá, Công ty nhận thấy Khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa là địa điểm phù hợp nhất để triển khai dự án nhờ có nhiều điều kiện thuận lợi về hạ tầng, vị trí và khả năng đáp ứng yêu cầu đầu tư lâu dài của Công ty.

Đồng thời, với sự hỗ trợ của UBND tỉnh Thanh Hóa trong việc chủ trì giải quyết các khó khăn, vướng mắc giữa Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng HUD4 liên quan đến việc thuê đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại lô đất CN7, Khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn, ngày 26/6/2025 hai bên đã ký hợp đồng nguyên tắc làm cơ sở để tiến tới ký kết hợp đồng thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai dự án.

Ngày 23/7/2025, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1066667775 cho Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

Ngày 04/8/2025, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng HUD4 đã ký Hợp đồng thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại Khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đang triển khai các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư của dự án theo quy định.

2.6. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với công việc chung của Hội đồng quản trị cũng như nhiệm vụ được phân công của từng thành viên, trong đó có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 phiên họp và thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị 19 lần; ban hành 85 nghị quyết, quyết định để chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Công ty.

Chi tiết về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 đã được thể hiện đầy đủ trong Báo cáo quản trị Công ty năm 2025, đồng thời công bố trên Website Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành kịp thời các chủ trương, chính sách phù hợp nhằm phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty như tài chính - kế toán, tiêu thụ sản phẩm, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

- Chỉ đạo xử lý các tồn tại của Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa” theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137; đồng thời triển khai các công việc liên quan đến dự án đầu tư xây dựng nhà máy theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1066667775 ngày 23/7/2025.

- Xem xét, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành.

- Tổ chức thực hiện và chỉ đạo triển khai các yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà

[Chữ ký]

nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2.7. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác trong năm 2025

Trong năm 2025, Ban điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh bám sát các mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn, cạnh tranh gay gắt và chi phí đầu vào biến động, Ban điều hành đã chủ động, linh hoạt triển khai nhiều giải pháp quản lý, điều hành phù hợp, góp phần duy trì ổn định và phát triển hoạt động của Công ty.

Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo tổ chức sản xuất an toàn, bảo đảm tiến độ và chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh công tác tiêu thụ, mở rộng thị trường; thực hiện hiệu quả các giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và bảo toàn, phát triển vốn của Công ty. Đồng thời, công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng, quản trị nội bộ và thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động được triển khai cơ bản đầy đủ, đúng quy định.

Đội ngũ cán bộ quản lý các cấp đã phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công việc, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, góp phần cùng Ban điều hành hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã điều hành Công ty đúng định hướng, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Đặc biệt, năm 2025 Công ty đạt kết quả sản xuất kinh doanh rất tích cực với doanh thu 1.760,139 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 213,17 tỷ đồng, thu nhập bình quân người lao động đạt 26,25 triệu đồng/người/tháng. Đây là những con số hết sức ấn tượng, thể hiện năng lực điều hành hiệu quả, tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao của Ban điều hành và toàn thể cán bộ, người lao động Công ty; đồng thời là kết quả đáng ghi nhận, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

3. Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

II. Định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2026

Trên cơ sở đánh giá toàn diện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và dự báo những thuận lợi, khó khăn trong năm 2026, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và phương án chi trả cổ tức năm 2026 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua (theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../.../2026 trình tại Đại hội), với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tổng doanh thu: 2.100,129 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 233,067 tỷ đồng.
- Chi trả cổ tức năm 2026:
 - Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng tiền từ 5%/mệnh giá;

k

- Dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là số lợi nhuận còn lại sau khi chi trả cổ tức bằng tiền mặt và trừ các khoản trích lập các quỹ (với lợi nhuận 233,067 tỷ thì mức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến là 15%);

Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị xác định tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp trọng tâm sau:

1. Về công tác quản trị doanh nghiệp

Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản trị, điều hành và quản lý sản xuất kinh doanh.

2. Về xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp

Tiếp tục xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, chuyên nghiệp, kỷ cương và trách nhiệm; phát huy truyền thống của Công ty, nâng cao ý thức chấp hành nội quy lao động, tinh thần hợp tác và trách nhiệm của người lao động. Đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sản xuất, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, xây dựng hình ảnh và thương hiệu Văn Điển ngày càng phát triển bền vững.

3. Về lao động

Tăng cường công tác tuyển dụng đồng thời tiếp tục rà soát, sắp xếp lao động phù hợp với mô hình tổ chức và yêu cầu sản xuất; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng quản lý. Quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, chăm lo đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động.

4. Về quản lý đầu tư

Tăng cường quản lý, giám sát các dự án đầu tư, sửa chữa lớn, đầu tư chiều sâu và cải tạo thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sử dụng tài sản. Tiếp tục chỉ đạo xử lý các tồn tại liên quan đến các dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư.

5. Về công tác chỉ đạo Ban điều hành

Hội đồng quản trị tiếp tục phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; chủ động bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong công tác điều hành, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo toàn, phát triển vốn của Công ty. Đồng thời, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, cổ đông và người lao động.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CHI TIẾT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty năm 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao (đ)	Tiền lương (đ)	Tiền thưởng + khác (đ)	Tổng cộng (đ)
I	Thành viên Hội đồng quản trị					
1	Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	0	105.000.000	195.000.000
2	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	78.000.000	0	99.000.000	177.000.000
3	Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	24.050.000	0	39.000.000	63.050.000
4	Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT độc lập	44.200.000	0	7.000.000	51.200.000
5	Lê Thị Thu Phụng	Thành viên HĐQT độc lập	9.750.000	0	3.000.000	12.750.000
II	Thành viên Hội đồng quản trị/ Ban điều hành					
1	Văn Hồng Sơn	Thành viên. HĐQT, Tổng giám đốc	78.000.000	1.540.680.959	240.410.000	1.859.090.959
2	Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	0	926.714.017	110.650.000	1.037.364.017
3	Trần Thắng	Thành viên. HĐQT, Phó Tổng giám đốc	78.000.000	856.156.240	111.650.000	1.045.806.240
4	Nghiêm Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	0	824.984.353	129.900.000	954.884.353
III	Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Mịch	Trưởng BKS	0	740.277.408	32.050.000	772.327.408

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao (đ)	Tiền lương (đ)	Tiền thưởng + khác (đ)	Tổng cộng (đ)
2	Nguyễn Thị Sơn	Kiểm soát viên	66.000.000	0	21.800.000	87.800.000
3	Nguyễn Xuân Long	Kiểm soát viên	66.000.000	0	16.475.000	82.475.000
IV	Kế toán trưởng					
1	Nguyễn Thị Sen	Kế toán trưởng	0	744.866.106	51.350.000	796.216.106

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
- Căn cứ hồ sơ, tài liệu, nghị quyết, biên bản họp, văn bản lấy ý kiến và các báo cáo do Công ty cung cấp trong năm 2025.

Thành viên độc lập hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo, đánh giá hoạt động năm 2025 của HĐQT như sau:

I. CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trong năm 2025, theo từng thời điểm, HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo hồ sơ quản trị, nghị quyết/báo cáo của Công ty và các tài liệu trình Đại Hội đồng cổ đông.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT/Thành viên HĐQT không điều hành	17/05/2021	
2	Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT không điều hành	29/12/2009	
3	Ông Văn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	23/04/2019	
4	Bà Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	28/06/2020	22/04/2025
5	Ông Trần Thắng	Thành viên HĐQT	14/04/2023	
6	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT độc lập	22/04/2025	14/11/2025
7	Bà Lê Thị Thu Phượng	Thành viên HĐQT độc lập	14/11/2025	

Phạm

II. TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện các công việc quản trị, chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền; kết quả tổng hợp như sau:

TT	Nội dung tổng hợp	Số lượng	Căn cứ/Ghi chú
1	Số cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2025	07 cuộc	Theo biên bản họp HĐQT
2	Số lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản	19 lần	Theo hồ sơ lấy ý kiến
3	Số nghị quyết/quyết định HĐQT đã ban hành	85 văn bản	Theo số nghị quyết/quyết định

Các cuộc họp, nghị quyết, quyết định và việc lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT chủ yếu tập trung vào những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty, gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiêu thụ sản phẩm, quản lý chi phí, đầu tư, nhân sự, quản trị nội bộ và các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã cơ bản thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông.

Các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được xem xét, thảo luận và biểu quyết theo nguyên tắc tập thể. Các vấn đề quan trọng được tổ chức lấy ý kiến hoặc thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, bảo đảm phù hợp với Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác giám sát đối với hoạt động điều hành của Ban điều hành, đặc biệt đối với các nội dung liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, chi phí, tiêu thụ sản phẩm và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, hoạt động quản trị Công ty cần tiếp tục được hoàn thiện đối với một số nội dung sau:

- Tài liệu họp và tài liệu lấy ý kiến cần được cung cấp đầy đủ, rõ ràng và kịp thời hơn để các thành viên Hội đồng quản trị có đủ thời gian nghiên cứu, đánh giá và tham gia ý kiến;
- Các báo cáo trình Hội đồng quản trị cần bổ sung nội dung phân tích nguyên nhân, đánh giá rủi ro, phương án xử lý và trách nhiệm tổ chức thực hiện;

- Các chỉ tiêu về tài chính, công nợ, hàng tồn kho, chi phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cần được báo cáo định kỳ đầy đủ, chi tiết hơn;
- Các vấn đề có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty cần được xây dựng thành báo cáo chuyên đề nhằm bảo đảm đầy đủ cơ sở cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện vai trò giám sát Ban điều hành trong việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và các nhiệm vụ quản lý, điều hành Công ty.

Ban điều hành đã báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, tiêu thụ sản phẩm và các khó khăn phát sinh. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã thảo luận, chỉ đạo và đưa ra định hướng phù hợp với tình hình thực tế.

Qua quá trình theo dõi và tham gia hoạt động quản trị, Ban điều hành đã có sự phối hợp với Hội đồng quản trị trong việc cung cấp thông tin, giải trình các nội dung được yêu cầu và triển khai các quyết định đã được thông qua.

Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả giám sát, Ban điều hành cần tiếp tục cải thiện chất lượng báo cáo theo hướng ngắn gọn, có số liệu so sánh, có phân tích biến động và có kiến nghị cụ thể. Việc này sẽ giúp Hội đồng quản trị đánh giá đúng tình hình, kịp thời nhận diện rủi ro và có quyết định phù hợp hơn.

V. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Theo hồ sơ và báo cáo Công ty cung cấp, năm 2025 Công ty tiếp tục hoạt động trong bối cảnh thị trường phân bón còn nhiều khó khăn, chịu tác động từ biến động giá nguyên liệu, chi phí vận chuyển, sức mua của thị trường và sự cạnh tranh trong ngành.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có nỗ lực trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định sản xuất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ, kiểm soát chi phí và bảo đảm hoạt động liên tục của Công ty.

Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2025 được tổng hợp theo báo cáo chính thức của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐHCĐ 2025 giao	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)
A	B	C	4	5	6=5/4
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.295,62	1.760,139	135,8
2	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	31,938	47,387	148,3
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60,540	213,171	352,1
4	Sản lượng sản xuất	Tấn	290.000	295.583	102
5	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	280.000	335.960	120
6	Chi trả cổ tức	%	8,0	Dự kiến: 10% tiền mặt; 10% cổ phiếu	

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được lập, trình và kiểm toán theo quy định. Các chỉ tiêu cụ thể về doanh thu, lợi nhuận, tài sản, nguồn vốn, công nợ và các nghĩa vụ tài chính được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán và hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Công ty cần tiếp tục chú trọng kiểm soát các yếu tố có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh như: chi phí nguyên liệu, chi phí vận chuyển, hàng tồn kho, công nợ phải thu, dòng tiền và hiệu quả tiêu thụ sản phẩm.

VI. ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC TUÂN THỦ VÀ MINH BẠCH TRONG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, hoạt động của Hội đồng quản trị cơ bản được thực hiện phù hợp với Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được xem xét và thông qua theo nguyên tắc tập thể, có sự tham gia ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ họp, biên bản họp, văn bản lấy ý kiến và các tài liệu liên quan được lưu giữ theo quy định.

Để tiếp tục nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị, Công ty cần hoàn thiện, chuẩn hóa quy trình chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu, tổng hợp ý kiến, lập biên bản và theo dõi việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được thông qua.

Việc tăng cường minh bạch thông tin và chuẩn hóa quy trình quản trị sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đồng thời nâng cao chất lượng quản trị Công ty.

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT và chất lượng quản trị Công ty trong thời gian tới, tôi kiến nghị một số nội dung sau:

1. Về tài liệu họp và tài liệu lấy ý kiến: Công ty cần gửi tài liệu đầy đủ, rõ ràng và đúng thời hạn để các thành viên HĐQT có đủ thời gian nghiên cứu, đánh giá và đưa ra ý kiến.
2. Về chất lượng báo cáo quản trị: Các báo cáo trình HĐQT cần bổ sung phần phân tích nguyên nhân, đánh giá rủi ro, so sánh với kế hoạch và đề xuất phương án xử lý; nội dung báo cáo cần đi thẳng vào vấn đề, tránh dàn trải và thiếu kết luận.
3. Về giám sát tài chính: Cần tăng cường báo cáo định kỳ về doanh thu, lợi nhuận, công nợ, hàng tồn kho, dòng tiền, chi phí sản xuất và chi phí bán hàng. Phải theo dõi.
4. Về quản trị rủi ro thị trường: Công ty cần chủ động hơn trong việc dự báo biến động thị trường phân bón, giá nguyên liệu, chi phí vận chuyển và sức mua của khách hàng, từ đó chuẩn bị phương án ứng phó phù hợp.
5. Về vai trò của Thành viên HĐQT độc lập: Cần tạo điều kiện để Thành viên HĐQT độc lập được tiếp cận đầy đủ thông tin, hồ sơ và báo cáo cần thiết; đây là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt vai trò giám sát, phân biện và bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông.
6. Về theo dõi thực hiện nghị quyết: Sau khi HĐQT ban hành nghị quyết, cần có bảng theo dõi tiến độ, bộ phận chịu trách nhiệm và kết quả thực hiện. Không để trôi.

VIII. KẾT LUẬN

Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2025 cơ bản đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Hoạt động của Hội đồng quản trị đã góp phần định hướng, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện thị trường còn nhiều khó khăn.

Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị cần tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, tăng cường tính minh bạch thông tin, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát rủi ro, giám sát hoạt động điều hành và phát huy vai trò của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong hoạt động quản trị Công ty

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐỘC LẬP**
(Ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thị Thu Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN
BAN KIỂM SOÁT
Số: 05/BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT **TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đã được kiểm toán và các tài liệu có liên quan.
- Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông một số nội dung kiểm tra, giám sát năm 2025 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2026 cụ thể như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2025 của Ban Kiểm soát Công ty. Ban kiểm soát đã tổ chức họp, phân công nhiệm vụ và triển khai công việc liên quan đến việc thực hiện kiểm tra, giám sát công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty, theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 cụ thể như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT, các quy chế quyết định của Công ty do HĐQT ban hành. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty;
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT, việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, các Quyết định của Tổng Giám đốc trong lĩnh vực điều hành điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp sản xuất tháng, soát xét các tài liệu, chứng từ, thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo năm 2025, công bố thông tin; Trong quá trình tham gia kiểm tra, giám sát; Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến cũng như kiến nghị

tới thành viên HĐQT và Ban điều hành nhằm tránh rủi ro, giúp hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện theo quy định của Pháp luật.

II. Kết quả giám sát của Ban kiểm soát

1. Hoạt động SX kinh doanh và tài chính

1.1 Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

a)- Khó khăn:

- Năm 2025, ngành phân bón tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức khi thị trường nguyên, nhiên liệu biến động phức tạp và ngày càng khan hiếm, đặc biệt là nguồn quặng Apatit – nguyên liệu cốt lõi quyết định năng lực sản xuất của Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển. Không chỉ thiếu hụt về sản lượng, chất lượng quặng suy giảm cũng tạo áp lực lớn lên hoạt động sản xuất cho 3 lò cao làm ảnh hưởng tới việc cung ứng sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng. Công ty đã chủ động tìm nguồn cung ở nước ngoài (Quặng Apatit Ai Cập) với số lượng 25.000 tấn quặng Apatit và đã đưa vào sản xuất ổn định.

- Sản phẩm tiêu thụ NPK tại thị trường khu vực phía Bắc rất khó khăn do cạnh tranh với nhiều dòng sản phẩm trong nước và nước ngoài, do vậy mà Công ty phát triển bán NPK vào khu vực miền Nam (bán lẫn kèm NPK).

- Bên cạnh áp lực về nguyên liệu, tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề cũng là thách thức lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác tuyển dụng gặp nhiều khó khăn trong khi lao động mới cần thời gian đào tạo và thích nghi với môi trường sản xuất đặc thù, ảnh hưởng nhất định đến năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b)- Thuận lợi:

- Với hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển tiếp tục khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế vững chắc trên thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm của Công ty có chất lượng ổn định, phù hợp với thổ nhưỡng và cơ cấu cây trồng nhiều vùng miền, đặc biệt tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam. Cùng với đội ngũ lao động giàu kinh nghiệm và hệ thống phân phối rộng khắp, đây là lợi thế cốt lõi giúp Công ty duy trì năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Trong những năm gần đây, Công ty đẩy mạnh quảng bá, tiếp thị và tổ chức tập huấn kỹ thuật cho nông dân, tạo hiệu ứng tích cực đối với các cây trồng chủ lực như cà phê, hồ tiêu và sầu riêng. Trong bối cảnh giá nông sản duy trì ở mức cao, nhu cầu sử dụng phân lân nung chảy tăng mạnh, khiến thị trường luôn trong tình trạng cung chưa đáp ứng đủ cầu. Điều này không chỉ khẳng định vị thế sản phẩm phân lân Văn Điển trên thị trường.

- Bên cạnh đó, các chương trình đầu tư cải tiến thiết bị, nâng cao điều kiện làm việc và cải tiến sản phẩm đã phát huy hiệu quả rõ nét, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả vận hành. Cùng với sự quan tâm chỉ đạo của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, HĐQT, Ban điều hành và sự đoàn kết thống nhất của tập thể CBCNV, đặc biệt chính sách áp thuế VAT đối với phân bón từ quý III/2025 sẽ tạo thêm lợi thế cho Công ty trong tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả tài chính và củng cố nền tảng phát triển bền vững trong thời gian tới.

c)- Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện 2024	KH ĐHCĐ 2025	Thực hiện 2025	So sánh (%)	
						TH/KH	2025/2024
1	Giá trị SXCNTT	Tỷ đồng	1.240,06	1.373,06	1.492,45	109	120
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.281,59	1.295,62	1.760,14	136	137
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	34,849	22,846	34,359	150	99
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,933	60,54	213,171	352	240
5	Sản lượng sản xuất	Tấn	283.629	290.000	295.583	102	104
5.1	<i>Phân lân</i>	<i>Tấn</i>	253.532	260.000	263.253	101	104
5.2	<i>Phân NPK các loại</i>	<i>Tấn</i>	30.097	30.000	32.330	108	107
6	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	271.919	280.000	335.960	120	124
6.1	<i>Phân lân</i>	<i>Tấn</i>	243.401	250.000	302.683	121	124
6.2	<i>Phân NPK các loại</i>	<i>Tấn</i>	28.518	30.000	33.277	111	117
7	Chi trả cổ tức	%	10	8	10-10		

d)- Đánh giá kết quả thực hiện

- Thực hiện kế hoạch tại Đại hội đồng cổ đông giao năm 2025:

Năm 2025, Công ty hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Giá trị SXCNTT tăng trưởng 9%. Tổng doanh thu đạt 1.760 tỷ đồng, đạt 136% kế hoạch và tăng 37% so với năm 2024; nộp ngân sách nhà nước tăng 50% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 213 tỷ đồng, vượt 252% kế hoạch và tăng 140% so với năm 2024. Các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ đều tăng trưởng tích cực, sản lượng tiêu thụ bằng 120% kế hoạch, Chi trả cổ tức dự kiến 20% trong đó 10% tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu.

Với kết quả sản xuất kinh doanh vượt trội về các chỉ tiêu như trên. Đây là năm Công ty đạt được thành quả cao nhất kể từ xưa cho đến nay. Với những con số hết sức ấn tượng, thể hiện năng lực điều hành hiệu quả, tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ, người lao động Công ty; đồng thời là kết quả đáng ghi nhận, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

1.2 Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025

Qua công tác thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 (đã được kiểm toán) của Công ty Ban kiểm soát nhận thấy: Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” tại báo cáo kiểm toán số: 100326.009/BCTC.KT7 phát hành ngày 10/03/2026 của AASC, Công ty đã thực hiện theo các quy định trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2025. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 99/2025/TT-BCTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, và các văn bản, nghị định hướng dẫn bổ sung mới ban hành.

Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban kiểm soát đã có báo cáo riêng về báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty trong báo cáo “Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 số: 03/BC-BKS phát hành ngày 17/03/2026”.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2025:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kết quả
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	đồng	1.620.016.338.396
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	170.420.115.521
3	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	%	14,06%
4	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	%	25,91%
5	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	10,56%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	4.525

2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành

2.1 Hội đồng quản trị Công ty

- HĐQT đã thực hiện trách nhiệm quản lý theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật. Trong năm Hội đồng quản trị tổ chức 7 phiên họp, 19 lần lấy ý kiến, ban hành 29 Nghị quyết, 56 Quyết định, nội dung:

- Ban hành và sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quyết định, bộ định mức vật tư phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quản lý của Công ty.

- Hội đồng quản trị bám sát tình hình thực tế ban hành kịp thời các chủ trương, chính sách tới ban điều hành nhằm phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo sát sao thực hiện đối với Dự án chuyển tiếp từ năm 2024: “Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Khu B – KCN Bim Sơn, Thanh Hóa” đảm bảo sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty.

- Thể thức, nội dung các cuộc họp và các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2025 trong Báo cáo đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2025.

2.2 Tổng Giám đốc và Ban điều hành

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện công tác điều hành sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

+ Công tác sản xuất: Sản xuất ổn định, thực hiện theo định mức tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu được phê duyệt, đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn và đạt tiêu chuẩn môi trường; dự trữ hàng tồn kho, hàng gửi kho ở mức hợp lý, phù hợp với các vùng miền có kế hoạch và chiến lược bảo đảm hàng tại kho các đại lý, các nhà phân phối, cung cấp kịp thời cho mùa vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Công tác bán hàng: Phát triển thêm các đại lý bán hàng mới tại các vùng miền, làm tốt công tác quảng bá sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phối hợp với khách hàng các đại lý tổ chức các hội nghị khách hàng, hội thảo, để trao đổi kinh nghiệm & hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón cho bà con nông dân tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung - Tây Nguyên - Nam Bộ. Phối hợp với khách hàng rà soát đánh giá thị phần và kết quả thực hiện tiêu thụ theo vùng được phân công. Thực hiện công tác thu hồi công nợ đến hạn, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Công tác duy tu và sửa chữa thiết bị: Triển khai việc sửa chữa lớn đại tu lò cao số 1,2,3 các hệ 1,2,3,4 và dây truyền sản xuất NPK trong toàn Công ty. Thực hiện thường xuyên công tác duy tu và sửa chữa thiết bị phương tiện vận chuyển, nhà xưởng đảm bảo sản xuất an toàn, ổn định.

+ Công tác đầu tư xây dựng: Năm 2025 Công ty tiếp tục thực hiện các dự án được chuyển tiếp từ năm 2024 và đầu tư mới năm 2025;

- Trong năm 2025, Công ty thực hiện 04 dự án đầu tư mới mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, các dự án mua sắm thiết bị được thực hiện theo quy định, đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá công tác đầu tư xây dựng: Các dự án đầu tư mua sắm thực hiện các thủ tục theo trình tự quy định của pháp luật khi triển khai thực hiện, đảm bảo phát huy hiệu quả và an toàn về vốn.

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2024: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Khu B – KCN Bim Sơn, Thanh Hóa:

+ Đối với dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư số 106666775 ngày 23/7/2025 Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án di dời Công ty nhằm bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển. Ngày 23/7/2025, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1066667775 cho Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

Ngày 04/8/2025, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng HUD4 đã ký Hợp đồng thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại Khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đang triển khai các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư của dự án theo quy định.

+ Đối với dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 26/01/2013

Ngày 22/4/2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc dừng thực hiện, quyết toán và thanh lý Dự án “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa”.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, ngày 08/9/2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 95/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị tư vấn lập báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện và đơn vị kiểm toán báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện.

Công ty đã ký hợp đồng với hai đơn vị: Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị tư vấn thực hiện lập báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện; Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện.

- Hiện nay, đơn vị tư vấn đã hoàn thành bước rà soát, đánh giá sơ bộ ban đầu và đang tiếp tục thực hiện bước làm việc, đối chiếu với các nhà thầu và chủ đầu tư đối với từng nội dung được nêu trong báo cáo sơ bộ nhằm hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh lý dự án theo quy định.

- Năm 2025 với các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ phân phối lợi nhuận năm 2025, cơ bản theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua. (Công ty đang xem xét việc tăng vốn điều lệ do đó công ty đang dự kiến Chi trả cổ tức 20% trong đó 10% bằng cổ phiếu và 10% tiền mặt.)

III. Đánh giá hoạt động phối hợp.

1. Phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban điều hành

Với tinh thần trách nhiệm trong công việc, Ban Kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị phòng ban nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền trong các cuộc họp.

Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát. Ban Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu, hồ sơ, phục vụ cho công tác kiểm tra kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát

- Các thành viên Ban kiểm soát luôn thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy chế hoạt động của Công ty. Các thành viên luôn hoàn thành các công việc mình phụ trách.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã tổ chức họp thảo luận và đưa ra những ý kiến trao đổi để đi đến kết luận thống nhất. Có ý kiến nghị kịp thời đến HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản trị doanh nghiệp và sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Ý kiến của các cổ đông

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến, thông tin phản ánh nào của các Cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét:

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty và qua việc thẩm tra các Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm của Công ty Ban kiểm soát đánh giá như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã điều hành Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và triển khai thực hiện bám sát nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ. Do vậy mà kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty đạt được các chỉ tiêu rất cao:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp đạt là: 1.492,45 tỷ đồng tăng 20% so với năm 2024 tương ứng với mức tăng 9% so kế hoạch.

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 là: 1.620 tỷ đồng tăng 32,7% so với năm 2024.

+ Doanh thu từ hoạt động tài chính đạt mức cao, năm 2025 là: 20,439 tỷ đồng tăng 12,682 tỷ đồng tương ứng mức tăng 163,5% so với năm 2024.

+ Chi phí bán hàng giảm so với năm 2024 là 8,9%, tăng chi phí quản lý doanh nghiệp lên 73% so với năm 2024.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 213,17 tỷ đồng, vượt 252% kế hoạch ĐHĐCĐ giao trong kỳ đại hội tháng 4 năm 2025 (giao 60,5 tỷ đồng) và tăng 140% so với năm 2024.

+ Các chỉ số sinh lời đều ở mức cao, trong đó ROA đạt 14,06%, ROE đạt 25,91% và tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt 10,56%, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản, vốn chủ sở hữu và năng lực tạo lợi nhuận của Công ty. EPS đạt 4.525 đồng/cổ phiếu tiếp tục khẳng định giá trị doanh nghiệp và khả năng bảo đảm lợi ích cho cổ đông.

Các công tác khác của Công ty:

+ Công ty phối hợp với các trường, trung tâm đào tạo nghề mở lớp đào tạo cấp chứng chỉ cho người lao động tại Công ty, đối với công nhân lao động chưa qua đào tạo có tay nghề đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty.

+ Năm 2025, Công ty và Công đoàn đã tăng cường chăm lo thiết thực đến sức khỏe người lao động bằng việc bổ sung sữa chua và hoa quả vào bữa ăn ca, qua đó nâng cao chất lượng dinh dưỡng bữa ăn cho CBCNV. Tiền lương thu nhập bình quân người lao động đạt 26,25 triệu đồng/người/tháng.

+ Các hoạt động được duy trì như thể thao đánh bóng Pickleball, văn hóa, hát, nhảy... đã là nguồn động lực tích cực động viên khuyến khích người lao động hoàn thành tốt các nhiệm vụ lao động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong năm đã thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Hoạt động công bố thông tin Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành đối với doanh nghiệp niêm yết.

2. Kiến nghị:

Để phục vụ tốt cho công tác quản trị, phấn đấu hoàn thành tốt kế hoạch Đại hội cổ đông năm 2026 giao, Ban kiểm soát có một số kiến nghị với Công ty như sau:

- Tiếp tục xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện các quy chế để phù hợp với hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật, kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và các giải pháp quản lý đảm bảo an toàn trong sản xuất và môi trường.

- Tiếp tục duy trì nguồn nguyên liệu ổn định đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu đáp ứng đủ phục vụ cho sản xuất.

- Tiếp tục tuyển dụng lao động đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất tại Công ty và có phương án tuyển dụng và đào tạo lao động để chuẩn bị cho nhà máy mới.

- Công ty đã phê duyệt việc dừng thực hiện, quyết toán và thanh lý Dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa. Sau khi có kết quả kiểm toán về việc quyết toán và thanh lý dự án; đối với các chi phí đầu tư dở dang Công ty sớm có phương án giải quyết phù hợp quy định pháp luật với tình hình thực.

- Đối với chủ trương di dời nhà máy đã được ĐHCĐ thông qua, Công ty sớm đẩy nhanh tiến độ, triển khai các công việc liên quan để trình các cấp có thẩm quyền duyệt dự án theo quy định, phù hợp tiến độ với chủ trương quy hoạch chung của Thành phố Hà Nội.

V. Kế hoạch hoạt động năm 2026

Căn cứ vào các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty và các nội dung được quyết nghị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ban kiểm soát sẽ lập chương trình làm việc theo chức năng nhiệm vụ của BKS, tập trung các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát HĐQT, Ban điều hành thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2026.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, ban điều hành Công ty về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Thực hiện thẩm tra, soát xét báo cáo tài chính định kỳ, Báo cáo tài chính năm 2026.

- Chủ động nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra giám sát nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2025, và kế hoạch năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn và xin chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mạch

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: BKS, Thư ký công ty, VT (3b).





ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN LÂN NUNG CHẤY VĂN ĐIỂN

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2026

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

Số ĐKSH

Số cổ phần sở hữu	Số cổ phần đại diện sở hữu	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị			
2	Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc.			
3	Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025 đã được kiểm toán			
4	Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án phân chia lợi nhuận và trả cổ tức năm 2025			
5	Tờ trình của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh và trả cổ tức năm 2026			
6	Tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025			
7	Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2026.			
8	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026.			
9	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký doanh nghiệp của Công ty			
10	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty			
11	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty			
12	Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty			

Đề nghị cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông cho ý kiến của mình bằng cách đánh dấu "X" vào một trong ba ô (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

*Cổ đông/đại diện theo ủy quyền
của cổ đông ký và ghi rõ họ tên*

Số: 47/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2025 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025 đã được kiểm toán với nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I – BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM (đã điều chỉnh)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		901.875.420.479	1.034.478.289.572
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		415.167.930.770	399.246.076.091
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.000.000.000	165.684.860.441
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.159.888.902	14.908.474.663
IV. Hàng tồn kho	140		288.039.463.897	440.916.580.657
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.508.136.910	13.722.297.720
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		310.282.736.102	40.902.423.711
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		6.790.519.712	8.868.297.536
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.788.844.431	7.535.056.891
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		988.503.243	1.313.401.935
3. Tài sản cố định vô hình	227		13.172.038	19.838.710
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.140.857.740	25.332.612.740
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		278.351.358.650	6.701.513.435
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.212.158.156.581	1.075.380.713.283

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM (đã điều chỉnh)
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		554.527.702.535	544.148.145.636
I. Nợ ngắn hạn	310		554.066.359.586	543.456.131.211
II. Nợ dài hạn	330		461.342.949	692.014.425
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		657.630.454.046	531.232.567.647
I. Vốn chủ sở hữu	410		657.630.454.046	531.232.567.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		376.653.480.000	376.653.480.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		95.742.960.293	77.474.441.928
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.281.900.000	3.281.900.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		181.952.113.753	73.822.745.719
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.531.998.232	2.876.674.076
- LNST chưa phân kỳ này	421b		170.420.115.521	70.946.071.643
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.212.158.156.581	1.075.380.713.283

PHẦN II – KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (đã điều chỉnh)
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	1	24	1.620.016.338.396	1.220.293.850.417
- Doanh thu bán hàng			1.620.016.338.396	1.220.293.850.417
- Doanh thu cung cấp dịch vụ			0	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		6.108.771.302	20.989.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01 - 02)	10		1.613.907.567.094	1.220.272.860.917
4. Giá vốn hàng bán	11	25	1.205.236.281.256	940.067.294.328
- Giá vốn hàng đã bán			1.205.236.281.256	940.067.294.328
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp			0	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		408.671.285.838	280.205.566.589

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (đã điều chỉnh)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	20.439.818.752	7.756.917.679
7. Chi phí tài chính	22	27	1.067.591.067	4.105.781.745
- Trong đó: chi phí lãi vay, lãi đặt cọc	23			
8. Chi phí bán hàng	25		159.341.721.058	174.910.377.556
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		55.270.395.966	31.920.508.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		213.431.396.499	77.025.816.870
11. Thu nhập khác	31		323.251.364	11.907.630.366
12. Chi phí khác	32		583.708.872	1.275
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(260.457.508)	11.907.629.091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		213.170.938.991	88.933.445.961
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	38.231.102.517	14.135.083.423
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	4.519.720.953	3.852.290.895
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		170.420.115.521	70.946.071.643
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		4.525	1.884
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Trên đây là Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025 đã được kiểm toán; kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua/.

Nơi gửi:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Kiểm soát viên;
- Tổng giám đốc;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phùng Ngọc Bộ



Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2026

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phân lân Văn Điển và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ vào các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành quản lý, hoạt động sản xuất Kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số:100326.009/BCTC.KT7 phát hành ngày 10/03/2026.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân lân Văn Điển thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán.

I. Cơ sở thẩm định:

1. Báo cáo tài chính năm 2025 do Ban điều hành cung cấp với cam kết phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;

2. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số: 100326.009/BCTC.KT7; phát hành ngày 10/03/2026.

II. Nội dung công việc đã thực hiện:

Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, Ban kiểm soát đã tiến hành một số công việc như sau:

- Đánh giá việc trình bày Báo cáo tài chính được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BCT ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025; Về chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

- Đánh giá tính hợp lý các ước tính và giả định thường xuyên được dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định tương lai có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC của Công ty.

- Đánh giá việc lựa chọn các chính sách kế toán chủ yếu và tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách kế toán.

- Rà soát đối chiếu số liệu tổng hợp được trình bày trên với số liệu chi tiết được hạch toán và theo dõi trên các sổ kế toán chi tiết.

- Rà soát các khuyến nghị và các bút toán điều chỉnh của Kiểm toán nhà nước xác định những ảnh hưởng trọng yếu đến thông tin, số liệu trên Báo cáo tài chính.

III. Kết quả thẩm định:

Qua thẩm tra số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán, Ban kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

1. Một số chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025	01/01/2025
I. Tài sản ngắn hạn	901.875.420.479	1.034.478.289.572
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	415.167.930.770	399.246.076.091
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.159.888.902	14.908.474.663
3. Hàng tồn kho	288.039.463.897	440.916.580.657
4. Tài sản ngắn hạn khác	47.508.136.910	13.722.297.720
II. Tài sản dài hạn	310.282.736.102	40.902.423.711
1. Tài sản cố định	6.790.519.712	8.868.297.536
2. Tài sản dở dang dài hạn	25.140.857.740	25.332.612.740
3. Tài sản dài hạn khác	278.351.358.650	6.701.513.435
TỔNG TÀI SẢN	1.212.158.156.581	1.075.380.713.283
I. Nợ phải trả	554.527.702.535	544.148.145.636
1. Nợ ngắn hạn	554.066.359.586	543.456.131.211
II. Vốn chủ sở hữu	657.630.454.046	531.232.567.647
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	376.653.480.000	376.653.480.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	181.952.113.753	73.822.745.719
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	11.531.998.232	2.876.674.076
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay	170.420.115.521	70.946.071.643
TỔNG NGUỒN VỐN	1.212.158.156.581	1.075.380.713.283

- 1.1. **Năm 2025 Tổng tài sản:** Đạt 1.212,158 tỷ đồng tăng so với mức 1.075,38 tỷ đồng ngày đầu năm là 136,777 tỷ đồng.
- 1.2. **Về tính thanh khoản đối với dòng tiền:** Tiền và tương đương tiền đạt 415.167.930.770 VND; Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn) đạt 140 tỷ đồng.
- 1.3. **Về quản trị vốn lưu động:** Hàng tồn kho giảm mạnh từ 440,9 tỷ đồng xuống 288,039 tỷ đồng.
- 1.4. **Về đối chiếu công nợ:**

- Các khoản phải thu tại ngày 31/12/2025: khoản phải thu: 11,159 tỷ đồng (trong đó phải thu khách hàng: 2,111 tỷ đồng và thu trả trước cho người bán: 4,501 tỷ đồng.)

- Các khoản phải trả tại ngày 31/12/2025: là 554,527 tỷ đồng

+ Phải trả người bán: 53,411 tỷ đồng

+ Người mua trả tiền trước: 98,001 tỷ đồng.

+ Phải trả ngắn hạn khác 302,439 tỷ đồng; (trong đó có 297,122 tỷ là tiền phải trả các đại lý tiền ký quỹ.)

1.5. Về quản lý tài sản:

+ Tại ngày 31/12/2025 tài sản dở dang dài hạn là: 25,140 tỷ;

+ Tài sản dở dang dài hạn khác là: 278,351 tỷ; do chi phí trả trước tăng 272,7 tỷ đồng (khoản chi vào việc thanh toán 95% hợp đồng thuê lại 225.421,1 m2 đất tại Lô CN7, KCN Bim Sơn của Công ty IIUD4 để thực hiện dự án mới di dời.)

Khoản chi phí này Công ty dịch chuyển cơ cấu tài sản từ ngắn hạn sang dài hạn (Chi phí trả trước dài hạn tăng từ 2,1 tỷ đồng lên 278,3 tỷ đồng).

2. Các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng trưởng % Năm 2025 so với năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp Dịch vụ	1.620.016.338.396	1.220.293.850.417	24,67%
2. Giá vốn hàng bán	1.205.236.281.256	940.067.294.328	22,00%
3. Doanh thu hoạt động tài chính	20.439.818.752	7.756.917.679	62,05%
4. Chi phí bán hàng	159.341.721.058	174.910.377.556	-9,77%
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	55.270.395.966	31.920.508.097	42,25%
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	213.170.938.991	88.933.445.961	58,28%
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	170.420.115.521	70.946.071.643	58,37%

- Với mục tiêu tăng trưởng 8% trong năm 2025, HĐQT và Ban điều hành cùng tập thể CBCNV Công ty đã triển khai thực hiện mục tiêu tăng trưởng vượt mức 8% năm 2025.

Trong năm 2025 Công ty có nhiều thuận lợi do biến động của giá bán cũng như điều kiện thời tiết, nhu cầu của thị trường phân bón gia tăng, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đã đạt mức 1.620,01 tỷ đồng, tăng 24,67% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, giá vốn tăng 265,168 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 128,466 tỷ đồng. Doanh thu tài chính tăng 62,05%, chi phí quản lý tăng 42,25%, chi phí bán hàng giảm 9,77%, dẫn đến kết quả, lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2025 tăng mạnh đạt 124,407 tỷ đồng, tăng 58,28% so với cùng kỳ năm trước.

Để có được kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu tăng trưởng như trên đó là sự đoàn kết nỗ lực phấn đấu của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng tập thể CBCNV người lao động, và đây cũng là năm mà Công ty có được kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cao nhất kể từ trước đến nay.

3. Một số chỉ tiêu cơ bản về tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025
1	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	Lần	2,18
2	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,62
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,1
4	Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	Lần	0,84
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		4,525

- Hệ số khả năng thanh toán của Công ty là: 2,18 lần > 1 cho thấy Công ty có dư khả năng thanh toán các khoản nợ với tổng tài sản hiện có.

- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn là: 1,62 lần > 1 thể hiện cho thấy Công ty có khả năng thanh toán hết các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền mức 1,62 vẫn là tỷ lệ lý tưởng. Năm 2025 (do công ty rút tiền ngắn hạn đem đi trả trước dài hạn tiền thuê đất 95% hợp đồng.)

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh là: 1,1 lần > 1 cho thấy rõ khả năng thanh toán nhanh của Công ty rất tốt và hiệu quả sử dụng vốn. Nếu loại trừ hàng tồn kho (tài sản khó chuyển đổi thành tiền nhất), Công ty vẫn có 1,1 đồng để trả cho mỗi 1 đồng nợ ngắn hạn.

- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là: 0,84 lần. Nợ phải trả phần lớn là nợ không chịu lãi bởi người mua trả tiền trước.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng lên mức 4.525 đồng là kết quả của lợi nhuận sau thuế rất tốt của công ty trong năm 2025.

IV. Nhận xét và Kiến nghị:

1. Nhận xét

- Báo cáo tài chính được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BCT ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025. Báo cáo tài chính của Công ty ngoài “Cơ sở của ý kiến kiểm

toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

- Trong năm 2025, Kiểm toán nhà nước đã thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty về các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước; Việc thực hiện thời kỳ kiểm toán từ ngày 28/9/2025 đến ngày 21/9/2025 theo quyết định số 1390/QĐ-KTNN ngày 28/8/2025.

Kiểm toán nhà nước đã có kết luận số 02/TB-KTNN Ngày 05/1/2026 thông báo về những hạn chế, tồn tại trong báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty (trong việc tuân thủ pháp luật, chính sách, chế độ kế toán, quản lý sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước) và yêu cầu kiến nghị đối với Công ty điều chỉnh sổ sách kế toán trong báo cáo tài chính năm 2024. Ngày 13/2/2026 Công ty đã thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước nộp truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền: 2,763 tỷ vào ngân sách nhà nước và điều chỉnh sổ sách kế toán theo quy định. Và tiếp tục chấn chỉnh khắc phục các hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý tài chính, quản lý vốn, tiền tài sản ...theo quy định và theo tình hình thực tế để đảm bảo phù hợp sự phát triển của Công ty.

- Về công tác đầu tư xây dựng năm 2025 của Công ty cụ thể như sau:

+ Đối với đầu tư Dự án ĐTXD Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại khu B - khu công nghiệp Bim Sơn - Thanh Hóa.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt về việc dừng thực hiện, quyết toán và thanh lý Dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 16/01/2013. Ngày 4/9/2025 Công ty đã triển khai thực hiện nghị quyết số 93/NQ-HĐQT về việc lựa chọn Đơn vị thực hiện lập báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện và đơn vị Kiểm toán báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện đơn vị kiểm toán đang trong quá trình thực hiện theo quy định.

+ Đối với chủ trương đầu tư Dự án ĐTXD Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển (di dời Công ty cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển) tại khu B - khu công nghiệp Bim Sơn - Thanh Hóa:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua Điều chỉnh Chủ trương đầu tư dự án di dời Công ty, đảm bảo sự tồn tại và phát triển Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn.

Ngày 26/06/2025, Công ty cùng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 đã ký kết Hợp đồng sơ bộ về việc thuê lại đất gắn với kết cấu Hạ tầng kỹ thuật lô CN7 dự án Khu B - KCN Bim Sơn.

Ngày 04/08/2025, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết 88/NQ-HĐQT phê duyệt nội dung dự thảo Hợp đồng thuê lại đất với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4.

Ngày 04/08/2025, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng số 04/2025/HĐTB/HUD4-VADI/CO với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 về việc Thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại Lô CN7, Khu B - Khu Công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 03/10/2025 Công ty triển khai thực hiện nghị quyết 106/NQ-HDQT Phê duyệt dự toán gói thầu tư vấn và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển (đi dời Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển) tại Khu B – KCN Bim Sơn – tỉnh Thanh Hóa.

2. Kiến nghị

* Công nợ tại thời điểm 31/12/2025 Công ty đã thực hiện đối chiếu công nợ đối với công nợ phải thu phải trả và không phát sinh thêm nợ mới. Công ty tiếp tục duy trì việc tăng cường đối chiếu và thu hồi công nợ đầy đủ theo quy định và khắc phục kiến nghị còn tồn tại của kiểm toán nhà nước.

* Công ty đã dừng triển khai dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa, theo Nghị quyết DHDCD năm 2025 theo đó Công ty đã tiến hành thuê Đơn vị Kiểm toán thực hiện lập báo cáo quyết toán, thanh lý dự án và đơn vị Kiểm toán báo cáo quyết toán, thanh lý dự án. Sau khi có kết quả kiểm toán đã được thẩm tra, đề nghị Công ty lưu ý để có phương án giải quyết phù hợp quy định pháp luật với tình hình thực tế của Công ty. Đối với đầu tư Dự án ĐTXD Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển (đi dời Công ty cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển) Công ty đã thực hiện thanh toán 95% hợp đồng thuê lại đất tính đến thời điểm 31/12/2025 với Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng HUD4 tại Khu B – KCN Bim Sơn – tỉnh Thanh Hóa đề nghị Công ty nhanh chóng triển khai hoàn thiện các công việc sớm trình DHDCD năm 2026 phê duyệt dự án ĐTXD theo quy định pháp luật.

* Năm 2025 kiểm toán viên có ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo kiểm toán của Công ty; trong 03 năm liên tiếp (2023-2024-2025) báo cáo tài chính của Công ty đều có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán. Theo quy định điểm h, khoản 1, Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn luật chứng khoán quy định về trường hợp hủy niêm yết bắt buộc, dẫn đến cổ phiếu của Công ty thuộc diện bị hủy niêm yết bắt buộc do có 03 năm liên tiếp có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong báo cáo tài chính. Đề nghị Công ty xem xét có hướng giải quyết theo quy định pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

* Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty chưa được các cơ quan thanh tra, kiểm tra. Trong trường hợp có sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền (Thuế, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra...), nếu có sự thay đổi về số liệu và kết quả sản xuất kinh doanh và tài chính, Công ty Cổ phần Phân lân Văn Điển có trách nhiệm điều chỉnh theo quy định hiện hành.

* Với kết quả thẩm định như trên, Ban kiểm soát Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC số 100326.009/BCTC.KT7 phát hành ngày 10/03/2026.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mạch

Nơi nhận:

- Các thành viên BKS
- Lưu BKS;

TỜ TRÌNH

Về phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Vân Điển được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/4/2024;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán;

Căn cứ các quy định hiện hành và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 với nội dung như sau:

1- Các chỉ tiêu:

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (Năm 2024)		PHƯƠNG ÁN NĂM NAY (Năm 2025)	
		Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đ)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đ)
1	VỐN ĐIỀU LỆ		376.653.480.000		376.653.480.000
	- Vốn của Nhà nước	67,056	252.568.870.000	67,056	252.568.870.000
	- Vốn của cổ đông khác	32,944	124.084.610.000	32,944	124.084.610.000
2	TỔNG DOANH THU		1.220.293.850.417		1.620.016.338.396
3	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ TNDN		76.118.826.523		213.170.938.991
	- Lợi nhuận thực hiện trong năm		76.118.826.523		213.170.938.991
	- Lợi nhuận điều chỉnh (Theo biên bản thanh tra, kiểm toán NN)		-		-
4	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		15.223.765.305		42.750.823.470

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (Năm 2024)		PHƯƠNG ÁN NĂM NAY (Năm 2025)	
		Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đ)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đ)
	- Thuế TNDN phải nộp trên lợi nhuận thực hiện		11.371.474.410		38.231.102.517
	- Thuế TNDN hoãn lại		3.852.290.895		4.519.720.953
	- Thuế TNDN phải nộp theo biên bản thanh tra, kiểm toán NN		-		-
5	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN		60.895.061.218		180.471.125.946
5.1	Lợi nhuận sau thuế TNDN		60.895.061.218		170.420.115.521
5.2	Lợi nhuận điều chỉnh theo biên bản thanh tra, kiểm toán Nhà nước		-		10.051.010.425
6	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG NĂM NAY		2.876.674.076		1.480.987.807
7	TỔNG LỢI NHUẬN PHÂN PHỐI NĂM NAY		62.290.747.487		178.552.507.313
7.1	Trích quỹ Đầu tư phát triển	30,0%	18.268.518.365	50%	85.210.057.761
7.2	Trích quỹ Khen thưởng – Phúc lợi	10%	6.089.506.122	10%	17.042.011.552
7.3	Trích Quỹ thưởng Người quản lý		267.375.000		969.750.000
7.4	Chia cổ tức năm	%/VĐL	37.665.348.000	%/VĐL	75.330.688.000
	- Chia cổ tức bằng tiền	10,0%	37.665.348.000	10,0%	37.665.348.000
	- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	10,0%	37.665.340.000
8	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI NĂM NAY CHUYỂN SANG SAU		1.480.987.807		3.399.606.440

Ghi chú: Việc trích lập các chỉ tiêu từ 7.1 - 7.4 dựa trên các cơ sở sau:

- Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2025 của Chính phủ;
- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công

ty;

2. Chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua:

- Chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền là: **10%/mệnh giá.**

(1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng); trong đó:

+ Cổ tức năm 2025 đã tạm ứng bằng tiền trong năm 2025: **0 %/mệnh giá.**

+ Cổ tức năm 2025 còn lại trả bằng tiền trong năm 2026: **10%/mệnh giá.**

(1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng).

- Chi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền là 100:10 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được hưởng 01 quyền, cứ 100 quyền sẽ nhận được 10 cổ phiếu phát hành thêm).

+ Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi gửi:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT, VT.



TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và chi trả cổ tức năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng doanh thu tiêu thụ năm 2026: 2.100,129 tỷ đồng;
2. Doanh thu thuần (DT HĐSXKD+ DT tài chính + DT khác): 1.980,385 tỷ đồng
3. Lợi nhuận trước thuế đạt: 233,067 tỷ đồng;
4. Chi trả cổ tức năm 2026:
 - Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng tiền từ 5%/mệnh giá;
 - Dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là số lợi nhuận còn lại sau khi chi trả cổ tức bằng tiền mặt và trừ các khoản trích lập các quỹ (với lợi nhuận 233,067 tỷ thì mức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến là 15%);
 - Tạm ứng cổ tức năm 2026: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2026 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

Nơi gửi:

- Như K/g;
- Lưu Thư ký, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phùng Ngọc Bộ

Số: 50 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2025;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

- Căn cứ Thông tư 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của bộ trưởng bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền ("Công ty"),



Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua việc Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 của Công ty với các nội dung cụ thể như sau:

I. Tăng vốn điều lệ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

1.	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
2.	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
3.	Mã chứng khoán	:	VAF
4.	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
5.	Vốn điều lệ công ty	:	376.653.480.000 đồng (<i>Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng</i>)
6.	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	:	37.665.348 cổ phiếu
7.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	:	3.766.534 cổ phiếu
8.	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	37.665.340.000 đồng (<i>Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ sáu trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng</i>).
9.	Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	:	41.431.882 cổ phiếu
10.	Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	:	414.318.820.000 đồng
11.	Tỷ lệ phát hành	:	10% (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
12.	Phương thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu
13.	Tỷ lệ thực hiện quyền	:	100:10 (Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức và cứ 100 quyền sẽ được nhận 10 cổ phiếu phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị).
14.	Thời gian dự kiến phát hành	:	Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và hoàn tất các thủ tục theo quy định, dự kiến thực hiện trong năm 2026

15.	Đối tượng phát hành	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
16.	Nguồn vốn thực hiện	:	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 (Báo cáo tài chính đã kiểm toán)
17.	Hạn chế chuyển nhượng	:	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
18.	Nguyên tắc làm tròn xuống, xử lý cổ phiếu lẻ	:	Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy. <i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu, khi đó số cổ phiếu cổ đông A được nhận là $(155:100 \times 10) = 15,5$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 15 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,5 sẽ bị hủy bỏ.</i>
19.	Mục đích phát hành	:	Nâng vốn điều lệ (vốn chủ sở hữu), tăng cường năng lực tài chính phục vụ nhu cầu đầu tư dự án, giảm áp lực huy động vốn vay và đảm bảo an toàn tài chính trong quá trình triển khai.

II. Điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và Đăng ký niêm yết bổ sung

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

III. Sửa đổi Điều lệ

Sửa đổi các điều khoản nội dung liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu tại Điều 6: *Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập* trong Điều lệ của Công ty cập nhật theo mức Vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.

IV. Ủy quyền cho Hội Đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc phát hành được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai kế hoạch phát hành cổ phiếu để trả

cổ tức năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Triển khai phương án phát hành, lựa chọn thời điểm phát hành, quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để báo cáo phát hành, điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2025;


- Sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ và các nội dung liên quan trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đúng với mức vốn điều lệ tăng lên sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc phát hành: đăng ký thay đổi nội dung Đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Chủ động thực hiện điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán (VSDC) và đăng ký niêm yết giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2025 phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

- Ngoài những nội dung trên đây, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các công việc và thủ tục khác liên quan đến việc triển khai thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với quy định pháp luật, nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 thành công và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.





**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN**

BAN KIỂM SOÁT
Số: 04/TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

***"V/v lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính
Công ty năm 2026"***

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ, quy chế của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển;

Sau khi xem xét năng lực của các Công ty kiểm toán độc lập, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1. Về tiêu chí lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập.

Ban kiểm soát đề xuất với đại hội đồng cổ đông các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức Niêm yết;
- Là Công ty kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm đảm bảo chất lượng, phạm vi và tiến độ kiểm toán báo cáo tài chính.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán đáp ứng yêu cầu của Công ty;

2. Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đề xuất lựa chọn

Căn cứ yêu cầu thực tế công tác kiểm toán và kiểm toán báo cáo tài chính của công ty, Ban kiểm soát kính đề xuất 03 (ba) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISIC.
2. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
3. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

3. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông.

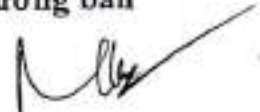
- Thông qua tiêu chí và đề xuất danh sách ba Công ty kiểm toán nêu trên;
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện lựa chọn một trong ba (03) Công ty kiểm toán (nêu tại mục 2) thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026, báo cáo kết quả trước Đại hội cổ đông thường niên theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty chấp thuận và thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông năm 2026;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, BKS, thư ký Công ty

**T/M. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban**



Nguyễn Thị Mịch

Số: 54 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc chi trả tiền thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền

1. Về việc chi trả tiền thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát Công ty năm 2025:

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông; mức chi tiền thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : Tiền thù lao: 7.500.000 đồng/tháng;
- Thành viên Hội đồng quản trị : Tiền thù lao: 6.500.000 đồng/người/tháng;
- Kiểm soát viên : Tiền thù lao: 5.500.000 đồng/người/tháng;
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Tiền lương được thực hiện theo Quy chế quản lý tiền lương và phân phối thu nhập của Công ty.

Trong năm 2025 thực tế chi trả tiền thù lao, tiền lương và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty đã tuân thủ đúng nghị quyết. Tổng chi tiền thù lao, tiền lương và các khoản chi khác năm 2025 là: 4.346.499.607 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm linh bảy đồng - có báo cáo chi tiết kèm theo).

2. Kế hoạch chi trả tiền thù lao, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2026:

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty và dự kiến công việc của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát công ty trong năm 2026. Hội đồng quản trị đề nghị mức chi trả tiền thù lao, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026, cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : Tiền thù lao: 7.500.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị : Tiền thù lao: 6.500.000 đồng/tháng
- Kiểm soát viên : Tiền thù lao: 5.500.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Tiền lương được thực hiện theo Quy chế quản lý tiền lương và phân phối thu nhập của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phùng Ngọc Bộ

**Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát Công ty năm 2025**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao (đ)	Tiền lương (đ)	Tiền thưởng (đ)	Tổng cộng (đ)
I	Thành viên Hội đồng quản trị					
1	Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	0	105.000.000	195.000.000
2	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	78.000.000	0	99.000.000	177.000.000
3	Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	24.050.000	0	39.000.000	63.050.000
4	Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT độc lập	44.200.000	0	7.000.000	51.200.000
5	Lê Thị Thu Phương	Thành viên HĐQT độc lập	9.750.000	0	3.000.000	12.750.000
II	Thành viên Hội đồng quản trị/ Ban điều hành					
1	Văn Hồng Sơn	Thành viên. HĐQT, Tổng giám đốc	78.000.000	1.540.680.959	240.410.000	1.859.090.959
3	Trần Thắng	Thành viên. HĐQT, Phó Tổng giám đốc	78.000.000	856.156.240	111.650.000	1.045.806.240
III	Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Mạch	Trưởng BKS	0	740.277.408	32.050.000	772.327.408
2	Nguyễn Thị Sơn	Kiểm soát viên	66.000.000	0	21.800.000	87.800.000
3	Nguyễn Xuân Long	Kiểm soát viên	66.000.000	0	16.475.000	82.475.000

Số: 52 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký doanh nghiệp
của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ
về việc Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền đã được Đại hội
đồng cổ đông thông qua ngày 23/4/2024;*

Căn cứ yêu cầu thực tế trong công tác quản trị và hoạt động của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đăng ký doanh nghiệp của Công ty nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Đồng thời, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty tương ứng với nội dung ngành, nghề đăng ký doanh nghiệp được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Chủ động điều chỉnh, hoàn thiện nội dung ngành, nghề đăng ký doanh nghiệp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), bảo đảm không làm thay đổi nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đăng ký doanh nghiệp của Công ty được thể hiện tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng/.

Hồ sơ kèm theo:

- Phụ lục: Tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH
(Gửi kèm Tờ trình số 52 /TTr-HĐQT ngày 04 / 6 /2026 của Hội đồng quản trị)

Stt	ĐKKD hiện tại		ĐKKD sau sửa đổi, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Căn cứ cơ sở thực tế
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành		
1	2012 (chính)	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. <i>Chỉ gồm có: Sản xuất, kinh doanh phân lân nung chảy, các loại phân bón khác, vật liệu xây dựng, bao bì;</i>	2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ <i>Chỉ gồm có: Sản xuất phân lân nung chảy, các loại phân bón khác.</i>	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Theo Quyết định 36, mã ngành 2012 không có ngành nghề kinh doanh phân bón; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bao bì.
2	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. <i>Chỉ gồm có:</i> - Xuất khẩu phân lân nung chảy và các loại phân bón khác; - Nhập khẩu phân bón và các loại nguyên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh.	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: <i>Chỉ gồm: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</i>	Điều 28 Luật thương mại Và Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Phù hợp với Quy định của Pháp luật và thực tế tình hình thực tế sản xuất của công ty
3			4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chỉ gồm: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp</i>	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Phù hợp với Quy định của Pháp luật và thực tế tình hình thực tế sản xuất của công ty
4			4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới <i>Chỉ gồm: bán lẻ phân bón</i>	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Phù hợp với Quy định của Pháp luật và thực tế tình hình thực tế sản xuất của công ty
5	2829	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829	Sản xuất máy chuyên dụng khác	Quyết định 36/2025/QĐ-	

Stt	ĐKKD hiện tại		ĐKKD sau sửa đổi, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Căn cứ cơ sở thực tế
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành		
		Chỉ gồm có: Chế tạo máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón.		Chỉ gồm có: Chế tạo máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón.	TTg ngày 29/9/2025	
6	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chỉ gồm có: Lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón;		Giữ nguyên theo ĐKKD hiện tại	Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	
7	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chỉ gồm có: Chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất các loại phân bón.	7499	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất các loại phân bón	Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Theo Quyết định 36, mã ngành 7490 không có
8	4321	Lắp đặt hệ thống điện Chỉ gồm các ngành nghề sau: Lắp đặt hệ thống điện để sản xuất các loại phân bón		Giữ nguyên theo ĐKKD hiện tại	Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	
9	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Gia công cơ khí để sản xuất các loại phân bón;		Giữ nguyên theo ĐKKD hiện tại	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	
10	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng sản xuất các loại phân bón		Giữ nguyên theo ĐKKD hiện tại	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	
11	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ		Giữ nguyên theo ĐKKD hiện tại	Theo Quyết định	

Stt	ĐKKD hiện tại		ĐKKD sau sửa đổi, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Căn cứ cơ sở thực tế
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành		
		<i>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng và ô tô khác</i>			36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	
12	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí. <i>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước để sản xuất các loại phân bón.</i>		Giữ nguyên theo ĐKKD hiện tại	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	
13		Không có	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi khi công ty có điều kiện phù hợp
14		Không có	5224	Bốc xếp hàng hóa	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Để phục vụ bốc xếp hàng hóa khi công ty có điều kiện kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa
15		Không có	4101	Xây dựng nhà để ở	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Để có thể chủ động trong việc tu sửa hoặc cải tạo các khu nhà ở công nhân (khi cần)
16		Không có	4102	Xây dựng nhà không để ở	Theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Để có thể chủ động trong việc tu sửa hoặc cải tạo kho tàng, nhà xưởng phục vụ sản xuất (khi cần)

Số: 53 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP
ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
155/2020/NĐ-CP;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đã được Đại hội
đồng cổ đông thông qua ngày 23/4/2024;*

Căn cứ yêu cầu thực tế trong công tác quản trị và hoạt động của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty nhằm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Đồng thời, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức hoàn thiện, ban hành Điều lệ Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng quy định.

Nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Điều lệ Công ty được thể hiện tại các tài liệu gửi kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Hồ sơ kèm theo:

- Phụ lục: Tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Dự thảo Điều lệ Công ty. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phùng Ngọc Bộ

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Gửi kèm Tờ trình số 53 /TTr-HĐQT ngày 04 / 6 /2026 của Hội đồng quản trị)

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện tại	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Quy định đã có tại Điều lệ được sửa đổi, bổ sung				
1	Điều 1: Giải thích thuật ngữ Điểm h khoản 1 Điều 1: Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty	Điều 1: Giải thích thuật ngữ Điểm h khoản 1 Điều 1: Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.	Đảm bảo thống nhất với quy định của pháp luật	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020	
2	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, đại điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty Khoản 3 Điều 2: Địa chỉ trụ sở chính: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, đại điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty Khoản 3 Điều 2: Địa chỉ trụ sở chính: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội	Phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 06/8/2025 của Công ty	
3	Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Điểm d khoản 1 Điều 15: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Điểm d khoản 1 Điều 15: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất	Điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020	

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện tại	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			với quy định của pháp luật hiện hành.		
4	Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Điểm p khoản 2 Điều 15: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Điểm p khoản 2 Điều 15: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	<i>Điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	
5	Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Điểm r khoản 2 Điều 15: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Điểm r khoản 2 Điều 15: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	<i>Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	
6	Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Điểm s khoản 2 Điều 15: Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành	Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Điểm s khoản 2 Điều 15: Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng	Phù hợp với quy định của pháp luật	<i>Bổ sung theo Mục 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025</i>	

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện tại	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	một số điều của Luật Chứng khoán	khoản (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có).			
7	Điều 21: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua Điểm d khoản 1: Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác	Điều 21: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua Điểm d khoản 1: Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	<i>Theo Điểm d khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	
8	Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Điểm d khoản 1 Điều 22: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác	Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Điểm d khoản 1 Điều 22: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	<i>Điểm d khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	
9	Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Phù hợp với quy định của pháp luật	<i>Sửa đổi theo Mục 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-</i>	

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện tại	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Khoản 3 Điều 26: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị	Khoản 3 Điều 26: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về công ty đại chúng; trong đó, với số lượng 05 (năm) thành viên, Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành. Thành viên không điều hành phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị		CP ngày 11/9/2025	
10	Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Điểm h khoản 2 Điều 27: Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp	Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Điểm h khoản 2 Điều 27: Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	Điểm h khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020	

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện tại	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
11	<p>Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Điểm a khoản 6 Điều 42: Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p>	<p>Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Điểm a khoản 6 Điều 42: Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p>	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020	
12	<p>Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Điểm b khoản 6 Điều 142: Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 30% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung</p>	<p>Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Điểm b khoản 6 Điều 142: Đối với giao dịch từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan</p>	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020	

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện tại	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.			
13	Điều 59: Ngày hiệu lực Khoản 1 Điều 59: Bản điều lệ này gồm 21 Mục, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nhất trí thông qua ngày tháng năm tại trụ sở của Công ty (đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội) và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều 59: Ngày hiệu lực Khoản 1 Điều 59: Bản điều lệ này gồm 21 Mục, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nhất trí thông qua ngày tháng năm tại trụ sở của Công ty (đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội) và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	<i>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 06/8/2025 của Công ty</i>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dự thảo

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

MỤC LỤC

PHÂN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Công ty

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày / /2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển;
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Van Dien Fused Magnesium Phosphate Fertilizer Joint Stock Company;
- Tên Công ty viết tắt: VADFCO.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội;
- Điện thoại: 02436884489/02436885174;
- Fax: 02436884277;
- E-mail: vandienfmp@gmail.com;
- Website: vandienfmp.vn.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Tổng giám đốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- a. Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- b. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- c. Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- d. Bán lẻ phân bón;
- e. Chế tạo máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón;
- f. Lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón;
- g. Chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất các loại phân bón;
- h. Lắp đặt hệ thống điện để sản xuất các loại phân bón;
- i. Gia công cơ khí để sản xuất các loại phân bón;
- j. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng sản xuất các loại phân bón;
- k. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (bằng ô tô chuyên dụng và ô tô khác);
- l. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước để sản xuất các loại phân bón;
- m. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- n. Bốc xếp hàng hóa;
- o. Xây dựng nhà để ở;
- p. Xây dựng nhà không để ở;
- q. Sản xuất kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- a. Bảo toàn, phát triển vốn đầu tư của cổ đông;
- b. Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông và người lao động;
- c. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm đạt lợi nhuận cao nhất cho Công ty và cho các cổ đông;
- d. Nâng cao giá trị Công ty;
- e. Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách đối với nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 37.665.348 (ba mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi năm nghìn, ba trăm bốn mươi tám) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày

thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ

trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
4. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường

hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản

trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt/Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty .

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có).

t) Phê duyệt/Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân chỉ có thể ủy quyền cho 01 cá nhân hoặc tổ chức khác làm đại diện theo ủy quyền. Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông

qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo tỷ lệ cụ thể sau:

a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho 01 cá nhân hoặc 01 tổ chức khác dự họp;

b) Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông, từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa năm (05) người dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ

đồng. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức dễ bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả **cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; **tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.**

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; **tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.**

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu

quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, cụ thể là:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có

quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời

hợp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về công ty đại chúng; trong đó, với số lượng 05 (năm) thành viên, Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành. Thành viên không điều hành phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty là 01 người.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

k) Giám sát, chỉ đạo giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền được thuê Luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của mình; Công ty chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí thuê Luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong trường hợp:

- Thành viên HĐQT bị bắt kỳ cá nhân hoặc và tổ chức nào kiện cáo theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- Thành viên HĐQT tuân thủ/thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế của Công ty trong quá trình thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Ngay cả trong trường hợp chưa tuân thủ đầy đủ/thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế của Công ty nhưng việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị đó có căn cứ/cơ sở để chứng minh rằng: Đem lại lợi ích cho Công ty; vì quyền lợi của Công ty và không làm ảnh hưởng/gây thiệt hại cho quyền và lợi ích chính đáng và hợp pháp của Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội

đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp (hoặc ý kiến bằng văn bản: Trường hợp xin ý kiến bằng văn bản) tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trực thuộc Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật. Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty là 05 năm và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này, cụ thể như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những

nhệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo

cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin

không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Việc trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở phương án đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi theo quy định pháp luật tối đa không quá mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm của Công ty.

- Việc trích lập và sử dụng Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành và các Quỹ khác theo quy định của pháp luật phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh và nhu cầu đầu tư, phát triển Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được

kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu mời hoặc thuê chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nhất trí thông qua ngày tháng năm tại trụ sở của Công ty (đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội) và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Văn Hồng Sơn

Số: 54 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đã được Đại hội
đồng cổ đông thông qua ngày 23/4/2024;*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông
qua ngày 22/4/2025 và được ban hành theo Quyết định số 50A/QĐ-HĐQT ngày
25/4/2025 của Hội đồng quản trị;*

Căn cứ yêu cầu thực tế trong công tác quản trị và hoạt động của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển kính trình Đại hội
đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công
ty nhằm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của
Công ty.

Đồng thời, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức hoàn
thiện, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông
thông qua theo đúng quy định.

Nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Quy chế được thể hiện tại các tài liệu gửi kèm
theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng/.

Hồ sơ kèm theo:

- Phụ lục: Tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phùng Ngọc Bộ

PHỤ LỤC

BÁO CÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Gửi kèm Tờ trình số 54 /TTr-HĐQT ngày 04 / 6 /2026 của Hội đồng quản trị)

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt Khoản 1 Điều 2: Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp	Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt Khoản 1 Điều 2: Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp		<i>Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020</i>	Sửa đúng điều luật
2	Điều 11: Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông: Điểm o Điều 11: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Điều 11: Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông: Điểm o Điều 11: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	<i>Điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	
3	Điều 11: Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Điểm q Điều 11: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn	Điều 11: Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Điểm q Điều 11: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và	<i>Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hơn 30% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.		
4	Điều 11: Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Điểm r Điều 11: Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	Điều 11: Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Điểm r Điều 11: Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có).	Phù hợp với quy định của pháp luật	<i>Theo Mục 84 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025</i>	
5	Điều 16: Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: Điểm d khoản 1 Điều 16: Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty	Điều 16: Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: Điểm d khoản 1 Điều 16: Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	<i>Điểm d, khoản 1, điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	<p>Điều 48: Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điểm a khoản 3 Điều 48: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 48: Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điểm a khoản 3 Điều 48: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về công ty đại chúng; trong đó, với số lượng 05 (năm) thành viên, Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành. Thành viên không điều hành phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị</p>	Phù hợp với quy định của pháp luật	Mục 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025	
7	<p>Điều 49: Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 3 Điều 49: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác</p>	<p>Điều 49: Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT</p> <p>Khoản 3 Điều 49: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</p>	Phù hợp với quy định của pháp luật	Mục 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025	

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	Điều 61: Cách thức biểu quyết Điểm b khoản 1 Điều 61: Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này	Điều 61: Cách thức biểu quyết Điểm b khoản 1 Điều 61: Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty	Thống nhất với Điều lệ Công ty		
9	Điều 61: Cách thức biểu quyết Điểm d khoản 3 Điều 61: Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó	Điều 61: Cách thức biểu quyết Điểm d khoản 3 Điều 61: Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó	Thống nhất với Điều lệ Công ty		
10	Điều 93: Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS Điểm c khoản 1 Điều 93: Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Điều lệ Công ty và có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các	Điều 93: Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS Điểm c khoản 1 Điều 93: Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên	Tăng tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động đầu tư, mua bán tài sản và giao dịch của Công ty; phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.	<i>Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết	về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết			



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

Dự thảo

QUY CHẾ

**NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN**

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty: là Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

3. HĐQT: là Hội đồng quản trị

4. Ứng cử: là tự đề cử

5. BKS: là Ban kiểm soát

6. VSD: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 Thành viên.
- h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết/bầu cử.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu/biên bản bầu cử, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện

cổ đông của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra cổ đông/đại diện cổ đông:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
- b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một

đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội:

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;
- b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp [*trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác*]. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết .
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- c. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- d. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);
- f. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r. Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có).

- s. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- u. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
 - b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
2. Quy định về tính hợp lệ của thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử
- a. Thẻ biểu quyết: Là thẻ theo mẫu in sẵn, do Công ty phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách nát... và có đóng dấu của Công ty.
 - b. Phiếu biểu quyết
 - **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.
 - Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết..
 - **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**
 - Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ
 - c. Phiếu bầu cử
 - **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định

cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà cử động/đại diện cử động bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cử động hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cử động và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cử động thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.
- Cử động/đại diện cử động thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cử động Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “□” vào ô mình chọn. Sau

khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện cổ đông.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, cổ đông/đại diện cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông/đại diện cổ đông liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Cổ đông/đại diện cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết:

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS ***có thể được*** thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức bầu cử trực tiếp (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

1. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

2. Nếu có vấn đề phát sinh và cổ đông có yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- f. Gia hạn hoạt động công ty;
- g. Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành,

trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.

Lưu ý: Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức bầu cử trực tiếp (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, cụ thể là:

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
2. Định hướng phát triển Công ty;
3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 22. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trừ các trường hợp quy định tại Điều 21 của Quy chế này.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện theo quy định của pháp luật; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và đảm bảo các quy định dưới đây:

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Phiếu biểu quyết/bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:
 - a. Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
 - b. Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
2. Yêu cầu kỹ thuật:

Cổ đông/đại diện cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông/đại diện cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Cổ đông/đại diện cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội

đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông/đại diện cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/đại diện cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Cổ đông/đại diện cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

3. Cổ đông/đại diện cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.

2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

a. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

b. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

- c. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
- d. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chỉ có Cổ đông/đại diện cổ đông mới Được tham gia thảo luận;
- c. Cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- d. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Cổ đông/đại diện cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Cổ đông/đại diện cổ đông:

- a. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Cổ đông/đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Cổ đông/đại diện cổ đông;
- b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- a. Cổ đông/đại diện cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- b. Sau đó, cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

Việc giới thiệu ứng viên, bỏ phiếu bầu cử thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và trực tuyến, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

1. Khi Cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện biểu quyết số phiếu biểu quyết đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, số biểu quyết không tán thành và số biểu quyết không ý kiến.
2. Kết quả bầu cử trực tuyến được ghi nhận trên hệ thống theo phương thức bầu dồn phiếu; kết quả bầu cử và ứng viên trúng cử được ghi nhận trên hệ thống, bảo đảm đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu/bầu cử sẽ được chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
2. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 28 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Cách thức bỏ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về công ty đại chúng; trong đó, với số lượng 05 (năm) thành viên, Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành. Thành viên không điều hành phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 01 người.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được

xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba ($1/3$) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.

- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền được thuê Luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của mình; Công ty chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí thuê Luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong trường hợp:

- a. Thành viên HĐQT bị bắt kỳ cá nhân hoặc và tổ chức nào kiện cáo theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
- b. Thành viên HĐQT tuân thủ/thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế của Công ty trong quá trình thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Ngay cả trong trường hợp chưa tuân thủ đầy đủ/thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế của Công ty nhưng việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị đó có căn cứ/cơ sở để chứng minh rằng: Dem lại lợi ích cho Công ty; vì quyền lợi của Công ty và không làm ảnh hưởng/gây thiệt hại cho quyền và lợi ích chính đáng và hợp pháp của Công ty.

Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu

bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 61. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.
6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
 - c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

9. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp.

3.

3.1. Trường hợp chỉ ký vào văn bản mà không có ý kiến gì thì coi như đã nhất trí với nội dung Tờ trình/Nội dung xin ý kiến.

3.2. Trường hợp không có văn bản trả lời hoặc không gửi lại văn bản đúng thời hạn quy định thì coi như thành viên HĐQT không có ý kiến với nội dung Tờ trình/Nội dung xin ý kiến.

Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị (tại cuộc họp đó) chấp thuận.

Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Quy chế này.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 64 thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được quy định chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.
4. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) do HĐQT quyết định.

Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty

Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến

hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty..

2. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới

30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc,

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không được là người có quan hệ gia đình của:
 - Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ;
 - Người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty.

Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 87. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 88. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 89. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
- b. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- d. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 92. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 81 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 93. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Các nội dung theo Điều 90 quy chế này;
 - b. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
 - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh

nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

b. Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 94. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải báo bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy

quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- d. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- f. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:

- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
- b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48)

giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

- a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
- b. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
- c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- d. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác theo quy định của pháp luật.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 96. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 95 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 97. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xem xét và quyết định hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.



2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 99. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 99 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nhất trí thông qua ngàytháng năm 20...
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty; có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ban hành theo quy định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phùng Ngọc Bộ

Số: 55 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty
của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đã được Đại hội
đồng cổ đông thông qua ngày 23/4/2024;*

*Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông
thông qua ngày 25/4/2022 và được ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày
26/4/2022 của Hội đồng quản trị;*

Căn cứ yêu cầu thực tế trong công tác quản trị và hoạt động của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển kính trình Đại hội
đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng
quản trị Công ty nhằm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế
hoạt động của Công ty.

Đồng thời, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức hoàn
thiện, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sau khi được Đại hội
đồng cổ đông thông qua theo đúng quy định.

Nội dung sửa đổi, bổ sung và dự thảo Quy chế được thể hiện tại các tài liệu gửi kèm
theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Hồ sơ kèm theo:

- Phụ lục: Tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng
quản trị Công ty;

- Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



PHỤ LỤC

BÁO CÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

(Gửi kèm Tờ trình số 55 /TTr-HĐQT ngày 04 / 6 /2026 của Hội đồng quản trị)

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	<p>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 2 Điều 4: Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định tại Quy chế về bảo mật thông tin của Công ty.</p>	<p>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 2 Điều 4: Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin, tài liệu thực hiện theo nguyên tắc: Đối với các thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc Công ty sẽ do Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm cung cấp; Đối với các thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị ban hành, Tổng giám đốc Công ty xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi cung cấp; Đối với các tài</p>	Sửa cho phù hợp với thực tế và Quy chế Bảo mật thông tin		

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		liệu mật của Công ty, trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế về bảo mật thông tin của Công ty.			
2	<p>Điều 5: Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 4 Điều 5: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 5: Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 4 Điều 5: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về công ty đại chúng; trong đó, với số lượng 05 (năm) thành viên, Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành. Thành viên không điều hành phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị</p>	Phù hợp với quy định của pháp luật	Mục 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025	

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;</p> <p>d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b</p>	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;</p> <p>d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b</p>	<p>Sửa lại và tách Khoản 1 thành 02 khoản riêng về tiêu chí thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập đảm bảo rõ ràng và cụ thể hơn</p>	<p>Điều 155 Luật DN 2020</p>	

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p> <p>e) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>f) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p>	<p>khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p> <p><u>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:</u></p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty</p>			

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>g) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;</p> <p>h) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>i) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị</p>	<p>con của Công ty ít nhất trong ba năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường</p>			

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	<p>hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc</p>			

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		lập Hội đồng quản trị có liên quan.			
4	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	Sửa đổi lại cho phù hợp với quy định và Điều lệ Công ty	<i>Điểm h khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị; Việc cung cấp thông tin, tài liệu thực hiện theo nguyên tắc: Đối với các thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc Công ty sẽ do Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm cung cấp; Đối với các thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị ban hành, Tổng giám đốc Công ty xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi cung cấp; Đối với các tài</p>	Sửa lại cho cụ thể và phù hợp.		

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>liệu mật của Công ty, trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế về bảo mật thông tin của Công ty.</p> <p>t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>			

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p> <p>1. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn <u>30%</u> hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn <u>30%</u> tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ 	<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p> <p>1. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn <u>35%</u> hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn <u>35%</u> tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; 	Sửa đổi lại cho phù hợp với quy định và Điều lệ Công ty	<i>Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020</i>	

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.			
7	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành	Sửa và cắt đi do đã quy định tại khoản 3 Điều 6.		

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p>	<p>viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; <u>danh sách và thông tin chỉ tiết của các ứng cử viên trong</u></p>	<p><i>Bổ sung thêm điểm d khoản 3 (sửa theo điểm d, khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp).</i></p>		

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên			
8	<p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên</p>	<p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 <u>Điều này</u>, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được</p>	Sửa lại cho phù hợp		

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó; Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có</p>	<p>tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là</p>			

Stt	Nội dung quy định tại Quy chế hiện tại	Nội dung quy định tại Quy chế sau sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thực tế	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó; Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.			
9	Điều 23. Hiệu lực thi hành 1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển bao gồm 7 chương, 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nhất trí thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022.	Điều 23. Hiệu lực thi hành 1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển bao gồm 7 chương, 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nhất trí thông qua ngày tháng năm	<i>Sửa lại cho phù hợp với thực tế.</i>		



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN DIỄN

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN DIỄN**

Hà Nội, ngày tháng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN

QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN

*(Được ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HDQT ngày tháng năm
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển)*

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành, triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin, tài liệu thực hiện theo nguyên tắc: Đối với các thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc Công ty sẽ do Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm cung cấp; Đối với các thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị ban hành, Tổng giám đốc Công ty xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi cung cấp; Đối với các tài liệu mật của Công ty, trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế về bảo mật thông tin của Công ty.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về công ty đại chúng; trong đó, với số lượng 05 (năm) thành viên, Hội đồng quản trị

phải có tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành. Thành viên không điều hành phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty là 01 người.

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế này.

6. Thành viên hội đồng quản trị độc lập hoạt động theo nguyên tắc sau:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
- b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Mọi hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh

nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không

có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
 - s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị; Việc cung cấp thông tin, tài liệu thực hiện theo nguyên tắc: Đối với các thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc Công ty sẽ do Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm cung cấp; Đối với các thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị ban hành, Tổng giám đốc Công ty xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi cung cấp; Đối với các tài liệu mật của Công ty, trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế về bảo mật thông tin của Công ty.
 - t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền được thuê Luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của mình; Công ty chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí thuê Luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong trường hợp:

- Thành viên HĐQT bị bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào kiện cáo theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- Thành viên HĐQT tuân thủ/thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế của Công ty trong quá trình thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Ngay cả trong trường hợp chưa tuân thủ đầy đủ/thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế của Công ty nhưng việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị đó có căn cứ/cơ sở để chứng minh rằng: Đem lại lợi ích cho Công ty; vì quyền lợi của Công ty và không làm ảnh hưởng/gây thiệt hại cho quyền và lợi ích chính đáng và hợp pháp của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm

quyền hoặc tổ chức hợp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển bao gồm 7 chương, 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nhất trí thông qua ngày tháng năm

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ban hành theo quy định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phùng Ngọc Bộ



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-DHĐCD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 06 năm 2026 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (nội dung chi tiết được đăng tải trên Website của Công ty: vandienfmp.vn-quan hệ cổ đông) với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025
1	Tổng tài sản	đồng	1.212.158.156.581
2	Vốn chủ sở hữu	đồng	657.630.454.046
3	Doanh thu thuần	đồng	1.613.907.567.094
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	170.420.115.521
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	4.525

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025.

3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

4. Thông qua Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../.../2026 của Hội đồng quản trị về phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 với các nội dung chính như sau:

a. Các chỉ tiêu:

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG ÁN NĂM 2025	
		Tỷ lệ (%)	Giá trị (đ)
1	VỐN ĐIỀU LỆ		376.653.480.000

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG ÁN NĂM 2025	
		Tỷ lệ (%)	Giá trị (đ)
	- Vốn của Nhà nước	67,056	252.568.870.000
	- Vốn của cổ đông khác	32,944	124.084.610.000
2	TỔNG DOANH THU		1.620.016.338.396
3	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ TNDN		213.170.938.991
	- Lợi nhuận thực hiện trong năm		213.170.938.991
	- Lợi nhuận điều chỉnh (Theo biên bản thanh tra, kiểm toán NN)		
4	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		42.750.823.470
	- Thuế TNDN phải nộp trên lợi nhuận thực hiện		38.231.102.517
	- Thuế TNDN hoãn lại		4.519.720.953
	- Thuế TNDN phải nộp theo biên bản thanh tra, kiểm toán nhà nước		
5	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN		180.471.125.946
5.1	Lợi nhuận sau thuế TNDN		170.420.115.521
5.2	Lợi nhuận điều chỉnh theo biên bản thanh tra, kiểm toán Nhà nước		10.051.010.425
7	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG NĂM NAY		1.480.987.807
8	TỔNG LỢI NHUẬN PHÂN PHỐI NĂM NAY		178.552.507.313
8.1	Trích quỹ Đầu tư phát triển	50%	85.210.057.761
8.2	Trích quỹ Khen thưởng – Phúc lợi	10%	17.042.011.552
8.3	Trích Quỹ thưởng Người quản lý		969.750.000
8.4	Chia cổ tức năm	%/VĐL	75.330.688.000
	- Chia cổ tức bằng tiền	10%	37.665.348.000
	- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10%	37.665.340.000
9	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI NĂM NAY CHUYỂN SANG NĂM SAU		3.399.606.440

b. Chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền:

- Chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền là: 10.0%/mệnh giá

(01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng); trong đó:

+ Cổ tức năm 2025 đã tạm ứng bằng tiền mặt trong năm 2025: 0%/mệnh giá

+ Cổ tức năm 2025 còn lại trả bằng tiền mặt trong năm 2026: 10%/mệnh giá

(1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)

- Chi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền là 100:10 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được hưởng 01 quyền, cứ 100 quyền sẽ nhận được 10 cổ phiếu phát hành thêm).

+ Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ

5. Thông qua Tờ trình số/TTr-PLVĐ ngày .../.../2026 của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu tiêu thụ năm 2026: 2.100,129 tỷ đồng

- Doanh thu thuần: 1.980,385 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 233,067 đồng

- Chi trả cổ tức năm 2026:

+ Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng tiền từ 5%/mệnh giá;

+ Dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là số lợi nhuận còn lại sau khi chi trả cổ tức bằng tiền mặt và trừ các khoản trích lập các quỹ (với lợi nhuận 233,067 tỷ thì mức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến là 15%);

+ Tạm ứng cổ tức năm 2026: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2026 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

6. Thông qua Tờ trình số/TTr-PLVĐ ngày .../.../2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025.

7. Phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập để lựa chọn thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo tài chính Công ty năm 2026 như sau:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

- Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC

Ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo tài chính năm 2026, báo cáo kết quả trước Đại hội cổ đông thường niên đúng thời gian quy định.



8. Thông qua Tờ trình số/TTr-PLVĐ ngày/2026 của Hội đồng quản trị về việc chi trả tiền thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026 với nội dung chính như sau:

- Thông qua tiền thù lao, tiền lương đã chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 là:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị: Tiền thù lao: 7.500.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Hội đồng quản trị: Tiền thù lao: 6.500.000 đồng/người/tháng;
- + Các Kiểm soát viên: Tiền thù lao: 5.500.000 đồng/người/tháng;
- + Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: Tiền lương được thực hiện theo Quy chế quản lý tiền lương và phân phối thu nhập của Công ty.

- Kế hoạch chi trả tiền thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị: Tiền thù lao: 7.500.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Hội đồng quản trị: Tiền thù lao: 6.500.000 đồng/người/tháng;
- + Các Kiểm soát viên: Tiền thù lao: 5.500.000 đồng/người/tháng;
- + Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: Tiền lương được thực hiện theo Quy chế quản lý tiền lương và phân phối thu nhập của Công ty.

9. Thông qua Tờ trình số/TTr-PLVĐ ngày/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

10. Thông qua Tờ trình số/TTr-PLVĐ ngày/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

11. Thông qua Tờ trình số/TTr-PLVĐ ngày/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

12. Thông qua Tờ trình số/TTr-PLVĐ ngày/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng các quy định của pháp luật và của Công ty./.

Nơi gửi:

- Các cổ đông;
- Như Điều 3;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Người được UQCBTT;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Phùng Ngọc Bộ